

Năm thứ hai - số 20

1^{er} Juillet 1933

VĂN-HỌC

TẠP CHÍ



CO-GRAN CHUYỂN KHẢO, CUỐ, BAN
SOẠN, GIẢNG-GIẢI, VỀ QUỐC-VĂN
MỖI THÁNG RA HAI KỲ: NGÀY 1 VÀ 15.

Revue littéraire paraissant le 1^{er} et le 15 de chaque mois

MỤC LỤC

1 — Ta nên thận trọng đối với thơ văn của người xưa	1
2 — Thi thoại: chuyện cụ Tam-nguyên Yên-Đồ	5
3 — Quốc văn bình giảng: Vua Ngu Thuấn	7
4 — Tiễn quan ôn	11
5 — Dịch Hán văn: bài viếng lăm đá mộ chi cồ.	14
6 — Nét mực xưa: bài phú bằng hữu kim kỳ	16
7 — Văn-học bình luận: những áng văn hay	19
8 — Chính phụ ngâm dịch ra Pháp-văn	26
9 — Một bức thư của ông Tản Đà	30
10 — Bản nữ thần dân giải	32
11 — Tạp trở	35
12 — Mũi tên độc	36
13 — Tin tức trong làng văn.	39
14 — Những việc nên biết.	42

CHỦ-BÚT: Dương-Bá-Trạc — CHỦ-NHIỆM: Dương-Tự-Quán

TÒA BÁO

193, Phố hàng Bông 193,

HANOI

Giá bán: một năm: 3\$00 — nửa năm: 1\$70 — mỗi số: 0\$15

ĐỒNG LƯƠNG TRÀ LÀ TRÀ NỘI HÓA

**X i n
Quốc
Dân
chú ý**

Lợi quyền há lại nhường ai,
Này gìn - giữ, này canh tranh.
Quyết chầu sông - Ngò đem vàng đồ ;
Thổ sản là chung của nước,
Phải vun trồng, phải thu dụng,
Hoài chí cây quế đề Mường leo.

P. T. Đ.

KÍNH TRÌNH QUÍ KHÁCH

Vì lòng ham mê nền thực-nghiệp muốn bảo thủ quyền lợi về chè của nước ta bản hiệu chủ nhân hết sức nghiên cứu đã lâu năm, chọn thổ ngơi tùy tính chất tốt xấu, nghĩ ra một cách chế chè theo khoa học mới. Kể đã tốn phí rất nhiều mới lập nên một Tổng cục chế tạo chè ĐỒNG - LƯƠNG tại số 125, PHỐ HÀNG BÔNG, HÀ NỘI và đủ là lực phát chè ra cho hàng trăm nhà Đại Lý ở các tỉnh lúc nào cũng đủ các hạng chè bán trong 6 năm trời nay như: Đồng-Lương, Tiên-Mai, Chân Thái, Vinh-Thái, Đầu-Xuân v.v. đều là chè hiệu ĐỒNG-LƯƠNG cả. Cái tiếng chè NỘI - HÓA ĐỒNG - LƯƠNG từ ngày Hội-Chợ Hanoi năm 1932 đến nay đã vang lừng ba xứ vì đã được nhiều quý-khách trong quốc-dân tin dùng. Tuy vậy, bản-hiệu chủ nhân còn nhất tâm hi sinh tài lực để sửa đổi cách chế tạo cho được ngày càng thêm hoàn hảo. Vừa rồi bản-hiệu chủ nhân đã xin được phép sang Tàu khảo sát về cách giống chè, lấy búp, khí hậu, thổ ngơi, cách chế tham bản Á Âu... Vì thế chè của bản hiệu ngày nay chế ra được bội phần hoàn hảo hơn xưa: tinh vi, thanh khiết, uống vào dễ tiêu, ngủ được, được đủ bổ dưỡng tinh thần, làm nhẹ nhàng thân thể. Xin quý khách dùng thử mới tin lời của bản hiệu, quảng cáo đúng với công phu chế tạo đã có kết quả tốt tươi. Xin nhớ nhận dấu hiệu ĐỒNG - LƯƠNG kẻ nhảm với các thứ tạp-hiệu chế không hợp cách. Vì những thứ chè tạp hiệu giả mạo đó đã làm mất tiếng chè nội hóa trong bấy lâu. Từ ngày chè ĐỒNG - LƯƠNG ra đời và chấn hưng lại nghề chè nước ta chắc không hề phụ lòng quốc dân tin dùng

Quý kháchzien cố - Bản hiệu cảm ơn

ĐỒNG - LƯƠNG dit PHẠM - TRÁC - ĐỒNG

Số 125, phố hàng Bông — Hanoi

NHỜI GHI. — Chè của bản-hiệu rất tốt, rất ngon, rất lợi nước mà bán rất rẻ trong buổi đầu để làm quảng cáo khắp các nơi. Vào cần nếm thử, xin viết thư về lấy gói chè quảng cáo. Nhớ gửi cho 0\$30 bằng con niêm, để làm phí tổn.

VĂN-HỌC TẬP - CHỈ

Ta nên thận-trọng đôi với thơ văn của người xưa

Phàm thơ văn của người xưa, từ trước khi chưa có chữ quốc - ngữ và quốc - ngữ chưa thịnh - hành, lớn từ quyền chuyện lục-bát, bé như bài thơ tám câu, hoặc in ra bằng chữ nôm, hoặc lưu - hành ở sự truyền-khẩu, để lại cho chúng ta ngày nay được lấy đó làm cái kho tài-liệu dùng trong việc văn-chương, thực là của rất quý của xã-hội. Của quý mà xã hội đã biết quý, cho nên mới có nhiều người in ra bản quốc-ngữ, dẫn giảng trên báo-trương, cũng là mong cho phổ-cập đến phần đông cùng được xem biết mà lĩnh nhận cái hay của cổ-nhân vậy. Một việc xuất-bản và dẫn - giảng đó, đối với thơ văn của người xưa kẻ thực có cái công truyền-bá; song nếu in ra sai, dẫn không đúng, thì lại là có cái lỗi với người trước, làm đổt cho người sau. Nay cứ xuy cái tâm - lý của người có làm ra câu thơ, câu văn, thà rằng có người chỉ trích những chỗ dở mà chê-bai, còn hơn là có những người nhận sai mà tán-tụng. Lại như tác - giả đã qua, câu văn còn đó, nếu cứ bị những người cứ nhận sai mà truyền-bá đi mãi, chẳng thực là một sự

đáng tức cho những ai thiên-cổ muốn cãi mà không cãi được ru? Lại nghĩ về phần người đọc chuyện, đọc báo, phần nhiều cũng chỉ tin ở sự xuất - bản và dẫn-giảng, đã mấy ai có thì giờ và tâm-lực để suy nhận cho rõ những câu văn ấy ra làm sao. Cho nên nếu sự in sự dẫn mà sai lầm, tức là lưu tệ cho đọc-giả phần đông phải cùng chịu cái sai lầm ấy mà lại nhận là ấy của người xưa như thế vậy.

Phạm thơ văn của người xưa, vẫn đều do bản in bằng chữ nôm và sự truyền khẩu mà để lại, chớ không có thủ-bút của tác-giả chép ra bằng quốc-văn; vậy thời những người sau muốn in, muốn dẫn, cần phải để ý suy nhận những câu văn thơ đó ý nghĩa ra làm sao. Nếu không suy nhận đến tường mà cứ dẫn, cứ in, tức là phạm hai cái lỗi đã nói ở trên vậy. Nay xin ví dụ như một hai chữ ở một bài câu, từng thấy ở nhiều bản chuyện quốc-văn in ra và ở báo-trương có dẫn dụ.

Trong truyện Kiều như câu :

« *Thăm nghiêm kín cổng cao tường* ».

có nhiều bản in là « *kín cổng* ».

Thơ bà Thanh - Quan, như câu :

« *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc* »

Có nhiều người dẫn là « *nhớ chúa* », « *luyến chúa* »

Theo sự suy nhận của tôi thời chữ « *cổng* » và chữ « *chúa* » đó đều là sai lầm. Xin được tỏ rõ ý kiến :

1° — Như câu văn trong truyện Kiều :

« *Thăm nghiêm kín cổng cao tường* »,

« *Gạn giòng lá thăm, rút đường chim xanh* ».

Hai chữ « *kín cổng* » ở câu trên, tức là chiếu xuống bốn chữ « *gạn giòng lá thăm* » ở câu dưới. Hai chữ « *cao tường* » ở câu trên, tức là chiếu xuống bốn chữ « *rút đường chim xanh* » ở câu dưới. Nguyên nghĩa rằng : vì *kín cổng*, cho nên cái lá thăm ở bên trong không trôi ra được, mà không thể được biết tiêu-hao ở trong. Vì *cao tường*, cho nên con chim xanh ở bên

ngoài không bay vào được, mà không thể đưa được tin tức từ ngoài(1). Như thế, nghĩa chữ « *cống* » thực rất rõ. Chớ nếu là chữ « *cồng* » thời chiếu xuống chữ « *lá thắm* » đã không hay; mà cách đó vài câu, lại có câu: « *Mấy lần cửa đóng then cài* », chẳng hóa ra điệp nghĩa lảm lảm.

Nay xét đến cái gốc của sự sai lầm ấy, thời nguyên vì ở bản in chữ nôm ta khi xưa, chữ đó ngoài là chữ 𨾏 môn, trong là chữ 貢 *cống*; tức là 閤. Như vậy, đọc là *cống* cũng được, đọc là *cồng* cũng được. Mà ắt vì có nhiều người đọc là *cồng*, cho nên các nhà xuất bản cũng cứ theo ở miệng người đọc, mà không còn nhận nghĩa nữa làm chi. Một bản đã in mà bản khác lại in theo, thành ra cái sai lầm cứ truyền-bá mãi đi vậy.

2° — Hai câu thơ của bà Thanh-Quan:

« *Nhớ nước đau lòng con quốc quốc;*
« *Thương nhà mỏi miệng cái gia gia* ».

Nhân vì chữ « *quốc quốc* », cho nên đặt chữ « *nhớ nước* », nhân vì chữ « *gia gia* », cho nên đặt chữ « *thương nhà* ». Chữ dùng như thế là có tình, câu thơ như thế là có màu. Lại truy nguyên cái bồng-ý của hai câu thơ ấy, chưa hẳn đã từ bà Thanh-Quan xướng nghĩ ra, mà hoặc là có thuật ở mấy câu Hán-văn của cụ Trần-danh-Ấn. Nguyên cụ Trần-danh-Ấn là trung thần đời Lê, theo vua Chiêu-Thống chạy sang Tàu, có mấy câu cảm hoài bằng Hán-văn rằng:

Giá-cô tại Giang-nam,
Đỗ-quyên tại Giang-bắc.
Giá cô mình gia gia,
Đỗ-quyên mình quốc quốc.
Vi cầm do hữu quốc gia thanh;
Cơ-thần đối thử tình vô cực.

1) Hai điển *lá thắm* và *chim xanh*, hầu nhiều người đã rõ, nay không chú.

Nghĩa là :

Con giá - cô (tức là con gia gia) ở miền Giang-nam (bên nam sông), con đỗ-quỳên (tức là con quốc) ở miền Giang-bắc (bên bắc sông). Con giá-cô thời kêu « gia gia » con đỗ-quỳên thời kêu « quốc quốc ». Xem những giống chim nhỏ mọn còn có những cái tiếng kêu nước gọi nhà như vậy ; huống chi kẻ bày tôi theo vua này, đối với cái cảnh ấy, nổi lòng đáng nghĩ là nhường bao !

Mấy câu Hán-văn đó, người Tàu cho là rất hay ; có người phê : — 字 — 畫 nhất tự nhất lệ ; nghĩa là ; mỗi một chữ một giọt nước mắt. Bà Thanh-Quan là người biết nhiều chữ Hán, hai câu thơ ở bài « Qua đèo ngang » ấy, hoặc có bởi đây mà nên chăng ?

Lại nói đến cái điển con quốc, tương truyền là ông vua nước Thục hóa hồn ra, — ấy hồn Thục-đế hay mình Đỗ-quỳên. — Vậy thời nó phải nhớ nước mới là phải ; chớ chính nó là chúa, lại còn « nhớ chúa », « luyện chúa », là nghĩa gì ? Cho nên một chữ « chúa » đó thực sai. Thơ bà Thanh-Quan tưởng không mỗ mãng như thế.

Theo ý tôi, nghĩ về hai chữ ở trong hai câu ấy như thế ; phải hay không. còn có sự quan-sát của công chúng. Tôi chỉ là muốn đem hai sự dẫn dụ đó, tỏ chút suy nghĩ, mong rằng người sau chúng ta đối với thơ văn của người xưa, đã có lòng yêu quý, nên có bụng thận-trọng ; mà nhất là những nhà xuất-bản, những người viết báo, càng không nên khinh-xuất, dễ mang lỗi với người trước, lưu tệ cho người sau, có như thế thời quốc - văn mới mong có tiến-bộ.

NGUYỄN KHẮC-HIỆU



THI THỌẠI

Cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ lúc trí-sĩ, ở nhà một hôm có ông cụ già đến chơi. Khi đến cổng, gặp người đầy tớ cụ Tam Nguyên, ông khách bảo : anh vào bẩm với Cụ-lớn có ông bạn cũ tên là Hán đến chơi. Cụ Tam-Nguyên được tin báo, nói : Ta chả có bạn nào tên là Hán. Lần sau ông khách bảo : thế anh vào bẩm Cụ-lớn tên tôi là Hầu. Cụ Tam-Nguyên ngạc nhiên, hỏi : Ông khách người thế nào ? Thằng đầy tớ bẩm : ông khách cưỡi ngựa hồng, lại đem theo hai con chó trắng. Cụ liền sai cầm bài thơ sau này ra đưa cho ông khách. Ông khách xem xong, cười mà nói rằng : tôi tưởng thầy anh hay chữ thế nào, té ra vẫn còn non lắm. Đây tôi chữa giúp một chữ. Ông khách chữa chữ « khẩu » làm chữ « bí », đưa cho người đầy tớ, rồi phi ngựa đi ngay. Cụ Yên-Đồ trông qua, chịu là tài, cho đầy tớ ra mời khách, thì khách đã đi xa rồi.

Bài thơ như sau này :

*Chả biết chi-chà chi-chóp đầu,
Cớ sao xưng Hán lại xưng Hầu ?
Ngựa hồng một chiếc dong tay khẩu,
Chó trắng hai con đóng nhạc bầu.*

* .

Trong khi trí-sĩ, cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ có đề một bài thơ vịnh ba ông phỗng sứ, bày trong cái bể sứ đề ở trước sân. Một hôm có ông cụ già làm hành khất, xem xong bài thơ ấy, cầm gậy đập vỡ tan cả ba ông phỗng sứ, rồi lững thững đi ra. Cụ Tam-Nguyên lấy làm lạ, cho người nhà chạy theo mời ông cụ ấy lại. Cụ Tam-Nguyên nói : nếu lão có hay nôm, thì họa thử một bài chơi. Ông cụ ăn mày liền ứng khẩu họa lại. Cụ Tam-Nguyên nghe xong, cũng phải phục tài.

Bài của cụ Tam-Nguyên Yên-Đồ.

Đất nặn nên người há còn con,
Tri, nhân vui cả nước cùng non.
Tưởng tiên qua bể năm còn vắng,
Nghĩ khách chơi sân cặp chửa tròn.
Sấm, sét mặc dầu gan sắt đá,
Nắng mưa thêm dải nét vàng son.
Hễ còn giới, đất, còn non nước,
Còn mãi ông đây tượng chẳng mòn.

Bài họa :

Ba thằng bé nặn nhỏ con con,
Có ích gì đâu với nước non.
Tưởng cụ Di, Tề sao lại lẻ ?
Nghĩ ông Ý, Lý lại chưa tròn.
Ngoài da chỉ có sành cùng sứ,
Trong dạ chùng không sắt với son.
Non nước đầy vui mà chẳng biết,
Đập tan ra quách đợi chi mòn.

CÚC-PHƯƠNG



CÁC NGÀI NÊN CHÚ Ý

Các Ngài mua Văn-Học đến số nào là hết hạn thì mỗi khi gửi báo đã đề rõ ngoài bìa.

Khi gửi đến tập báo cuối cùng — đến tập ấy là hết hạn — thì ngoài bìa lại có đóng dấu « hạn báo của Ngài số này là hết » và trong tập báo có cài sẵn một tờ « giấy mua Văn-Học » để tiện nhắc các Ngài mua tiếp hạn khác.

Nếu bản-quán không nhận được thư kèm Mandat của các Ngài mua tiếp hạn mới thì bản-chỉ đình việc gửi.

QUỐC-VĂN BÌNH-GIANG

VUA NGU-THUẤN

Đức đại-thánh họ Ngu vua Thuấn,
Buổi tiềm-long gặp vận hàn vi.
Tuổi xanh khuất bóng từ-vi,
Cha là Cỗ-Tầu người thi ương ương.
Mẹ ghẻ lại tình càng khe-khắt,
Em Tượng thêm rứt-mực kiêu ngoa.
Một thân thuận cả bề ba,
Trên chiều cha mẹ, dưới hòa cùng em.
Trăm cay-đắng một niềm ngon ngọt,
Dầu tử-sinh không chút biến dời.
Xót tình khóc sớm kêu mai,
Xui lòng ghen-ghét hóa vui dần dần.
Giời cao thăm mấy lần cũng đến,
Vật vô-tri còn mến lọ người.
Mấy phen non-Lịch pha-phôi,
Cỏ, chim vì nhặt; ruộng, voi vì cày.
Tiếng hiếu hữu xa bay bệ thánh,
Mạnh chung-dung chao chiến nhường ngôi.
Cầm thi xiêm áo thánh thời,
Một nhà đầm-ấm muôn đời ngợi khen.

NHỊ THẬP TỬ BIỂU

●
Chú thích. — Đại-thánh là vị thánh nhân rất có thánh-đức, so với các vị thánh-nhân khác lại là to lớn hơn. — Tiềm là ẩn nấu, long là con rồng; tiềm long là con rồng còn ẩn nấu dưới đất. Hai chữ đó ở trong kinh Dịch, nghĩa nói về ông vua chưa gặp thời, như con rồng còn nấu ẩn dưới đất. — Hàn-vi là nghèo-

hèn, nhỏ mọn. — *Từ* là nhân từ, *vi* là cái mản; *từ-vi* là nghĩa nói về bà mẹ. — *Ương ương* là tính dờ. *Mẹ ghẻ* là bà mẹ mà bố mình lấy về sau khi mẹ đẻ mình đã chết. — *Khe khát* là ý cay nghiệt. — *Kiều ngoa* là cộc lão điều toa. — *Vô iri* là không biết gì. — *Non-Lịch* là núi Lịch-sơn, vua Thuấn vẫn đi cày ở chân núi đó. — *Câu*: cỏ, chim vì nhặt, ruộng, voi vì cày, ý nói lòng hiếu thau đến tận giới nên khi đi cày, giới sui loài chim nhặt cỏ giúp, sai bầy voi kéo cày hộ. — *Hiếu* là tốt đạo ở với bố mẹ, *hữu* là tốt đạo ở với anh em. — *Bệ thánh* là chỗ ông vua, đây là nói chỗ vua Nghiêu. — *Chung* là vờ, *dung* là dùng; *chung dung* là vờ để mà dùng cho làm chức việc.

Tiểu-dẫn. — Quyển Nhị-thập tứ-hiếu nguyên là một quyển sách Hán-văn chép chuyện hai-mươi bốn người có hiếu-hạnh ở nước Tàu; bản diễn-ca diễn sang quốc-văn làm ra thể lục-bát, mà đây là một chuyện đứng ở đầu.

Giảng-nghĩa. — Vua Ngu-Thuấn là một vị vua ở đời thượng-cổ, mà hiếu-hạnh cũng hơn cả mọi người khác, cho nên người làm chuyện chép lên đứng đầu.

Một câu thứ nhất, nói lung cả tính danh, địa-vị và nhân-cách của ông Thuấn. — Câu thứ hai vừa tiếp vừa truyền đề nói về trong lúc ông Thuấn chưa làm vua mà còn đương nghèo hèn. Đó là đoạn thứ nhất. — Từ chữ « *tuổi xanh khuất bóng...* » đến chữ « *rất mực kiêu ngoa* », bốn câu đó là tả cái tình-cảnh gia-đình của ông Thuấn khó sự ăn ở là thế. — Từ chữ « *một thân thuận cả...* » đến chữ « *không chút biến dời* » bốn câu ấy là nói thực cái sự hiếu của ông Thuấn ăn ở trong gia-đình Hai chữ « *tử sinh* » là nói về những sự ông Cổ-Tàu và Tượng thường lập kế để định giết ông Thuấn, như sai ông Thuấn đào giếng mà rồi ở trên lấp đất xuống, sai chát bịch mà rồi ở dưới cất thang đi, vãn, vãn. — Từ

chữ « *xót tình* » đến chữ « *dần dần*, » hai câu đó là nói cái đức hiếu của vua Thuấn cảm-hóa được gia-đình, khiến cho cái lòng ghen ghét cũng dần hóa nên vui. « *Khóc sớm kêu mai* » là nói về những khi vua Thuấn đi cày ở núi Lịch mà kêu khóc với giới. — Từ chữ « *giới cáo thắm* » đến chữ « *ruộng voi vì cày* », bốn câu đó là nói cái đức hiếu hữu của ông Thuấn cảm - động đến thiên địa, cho nên giới xui cho những loài chim muông không biết gì cũng đem lòng quý mến, như trong lúc ông cày ở chân núi Lịch, mà chim vì nhặt hộ cỏ, voi vì cày hộ ruộng vậy. — Từ chữ « *tiếng hiếu hữu* » đến chữ « *nhường ngôi* », hai câu đó là nói cái đức hiếu hữu của ông Thuấn, tiếng đồn lên đến tai vua Nghiêu, mà vua Nghiêu vui lên dùng và rồi nhường ngôi cho làm vua, đến đây mới hết vận hàn-vi mà vua Thuấn mới nên là vua Thuấn. — Hai câu sau cùng là nói cái kết-quả của sự hiếu hữu, cái hạnh-phúc của gia-đình vua Thuấn, không những xung-sướng trong một thì, mà lại tiếng thơm đến vạn thế vậy.

Phê-bình. — Xưa nay phạm văn-chương, tưởng không cứ ở nước ta, những thơ văn nói về phong-tình thường dễ hay, mà thơ văn nói về luân-lý thực khó khiến cho người nghe được thích ý. Cho nên trong áng văn-chương của ta thừa xưa, tôi thường lấy quyển Nhị-thập tứ-hiệu diễm-ca làm có riêng một giá-trị. Nay xin hãy truyền bính về một bài trên đây.

Toàn bài chỉ hai mươi câu, mà thân-thế, gia-đình tâm tính của một vị đại thánh-nhân có thể nói được hết. Một câu mở đầu rất là hùng vĩ, khiến cho người đọc mới đọc đến, phải khởi lòng tôn kính mà muốn nghe cho biết sự tích ra làm sao. Câu thứ hai, ba chữ « *buổi tiềm-long* » rất hay. Trên nói vua Thuấn mà xuống chữ « *tiềm long* » thời vừa thừa tiếp được nghĩa chữ « *vua* » mà vừa truyền nói về lúc hàn-vi rất cần nghĩa. Lại do hai chữ hàn-vi truyền xuống đề nói về tình-cảnh của

vua Thuấn, thực hay. Chỉ vì hai câu thứ nhất, thứ nhì đó, đủ thấy là một tay văn-chương ; trừ phi một nhà đại văn chương không viết nổi như hai câu ấy. — Bốn câu nói về các người trong gia-đình vua Thuấn, mỗi người một câu, thể cách đều khác, mà uyển-truyền vẫn liên-tiếp, mạch văn không dờ. Trong truyện vẫn là cần tả những người còn, song mà người khuất như bà thân sinh ra ông Thuấn thời không thể không nói đến. Nói đến mà nói ngay lên trước, một là trước kẻ người khuất mà sau kể đến những người còn, hai là vì mẹ đẻ ra ông Thuấn có chết đi, cho nên cái cảnh gia đình nhà ấy mới ra như thế vậy. Sau đó ba câu, câu nói về ông Cỗ-Tầu, chữ « *thì* » ; câu nói về bà mẹ ghẻ, chữ « *lại* » ; câu nói về Tượng, chữ « *thêm* », đều có thừa tiếp uyển-truyền, văn thực hay. — Xuống hai câu thứ bảy, thứ tám « *một thân thuận cả bề ba, trên chiều cha mẹ, dưới hòa cùng em* ». Vừa tiếp, vừa gói, rồi tả thực, không cách đứt lúc nào. — Hai câu 9, 10, tóm bao nhiêu sự-tình không thể kể hết được, nói gộp lại cho hết. — Từ câu 11 trở xuống, nói về sự cảm-hóa, có thứ tự mà lời lẽ êm-dềm. — Hai câu sau, kết cái thân-thế của một vị đại thánh nhân, cũng chính đề khuyên lòng cho thiên-hạ. — Tóm toàn bài hai mươi câu, uyển-truyền đầm-ấm, bảo là văn-chương của một nhà sử-học cũng phải, bảo là văn chương của một nhà luân lý cũng phải : mà như những câu : « *tuổi xanh khuất bóng từ vi* », « *mấy phen non Lịch pha-phôi* », thời cũng lại rất là đẹp lời. Trong áng cổ-văn của ta như thế thực đáng quý.

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

Trong bạn đọc báo, ai có Văn-học số 1, thừa không dùng đến xin cứ gửi về cho Bản chí, Bản-chí sẽ gửi trả lại tiền bằng timbres postes. Các ngài cứ cuộn vào rồi giá 1 xu tem là được.

TIỀN QUAN ÔN



Ta không hiểu quan ôn là cái hạng quan gì ? những mùa khác thì các ngài ở đâu ? các ngài làm việc gì ? mà cứ năm nào cũng đến mùa hè thì ở xứ ta lại thấy rộn-rịp những đưa cùng đón, nào tà thuyền rồng, nào là voi ngựa, nào là hình nhân, nào là mũ măng cân đai, nào là giáo gươm vồng lọng, cho đến cả xe-cộ súng-ống là những « mốt » mới thời nay nữa cũng phải khoản đốn cho đủ, không dám thiếu một thứ gì. Cứ theo con mắt mê-tin của người xứ mình, thì cái danh sắc của các ngài là những vị thiên-ôn, địa-dịch, ngũ phương sứ-giả, ngũ bình thần-quan, v. v ; hình như ta ám nhận các ngài cũng có cái tính thị-hiếu như các quan dương mình, cũng ưa những sự ăn chơi, sung-sướng, mà các ngài cũng có cái tài thay đen đổi trắng, cũng có cái lệ tốt lễ dễ van,

nên cứ đến mùa hè là cái mùa tật-bệnh hay lưu hành thì ai nấy đều sủy-sủy ngập ngập, tưởng đâu cái tính-mệnh của cả một nhà mình là ở cả trong tay sinh sát của các ngài, nguy - hiểm hay là an toàn là tùy ở cái lễ đưa đón các ngài ít hay là nhiều, hậu hay là bạc, mới bay ra cái lễ thực-thân, cũng hòng nén bạc đâm toạc được tờ giấy, mà thành có cái tục đưa ôn cần mát cho tới ngày nay.

Ấy cái quan-niệm về sự tiên quan ôn của người xứ mình là thế. Ta không cần phải dẫn chứng những lời bình-luận của người các nước văn-minh đối với cái hủ-tục của mình thế nào, ta cũng có thể võ đoán mà tự phán lấy một câu rằng : cái quan-niệm đó thật là sai lầm, mà cái hủ-tục đó thật là nên bỏ.

Quan ôn có hay không thì còn là một vấn-đề bí-

hiềm trong thần-học-giới, (1) hiện thời chưa có thể chắc được, nhưng cổ thánh đã có câu rắng: « Quỷ thần kính nhi viễn chi ». Dù cho có quan ôn đi nữa, thì các ngài đã là thiên thần tất phải công chính, có lẽ nào ăn lễ xứ này, làm hại xứ khác; xứ này lễ, xứ khác cũng lễ, các ngài đi tới đâu cũng có lễ cả thì các ngài còn bắt tội ai; có lẽ nào các ngài chỉ đi kiếm chuyện thu lễ mà không làm việc gì hay sao? Phỏng như có một xứ kia bàn-dân lương-thiện tử-tế cả, không ai làm sự gì ngang trái, mà nó không có lễ, các ngài lại ghét nó, sai âm-binh hành-phạt nó hay sao? Một xứ nọ dân rất điêu-ngoan, nhiều đũa làm lắm chuyện hung ác, mà nó chịu tốt lễ, các ngài lại nể nó sai âm-binh phù hộ cho nó hay sao? Hay là bảo các ngài đi quân-thứ, đi đến đâu dân phải cung ứng đến đấy, thì thiết-tướng giặc cướp âm-phủ, quan quân đi cần đi đánh đã có lương-thực của nhà trời, cũng như giặc cướp trên trần, quan quân

đi đánh đi cần đã có lương thực của nhà-nước, có việc gì đến dân;

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

.

Ôi ! cái đạo kính thần cầu phúc chỉ cốt ở cái tấm lòng thành thực và cái lễ-ý kính cần của mình; mình thật có bụng kính thần cầu phúc thì nên giữ lòng ngay thẳng, làm sự hiền lành, nghĩ một điều, nói một câu, làm một việc, lúc nào cũng như có quỷ thần chứng giám ở trước hai vai; khi nào cầu-đạo, chỉ nên bát nước nén hương, lòng thành thấu đến, chắc quỷ thần cũng ủng-hộ, xui nên tâm thần mình được thư thái, gia-đình mình được yên vui; nếu lập tâm gian tham, làm sự càn - dỡ, dù khéo van tốt lễ, quỷ thần đâu lại có phù-hộ kẻ ác bao giờ.

Còn đến cái cách phòng bệnh vệ-sinh thì chỉ nên ăn uống cho thật tinh-vi, cư xử cho thật sạch-sẽ, nhà

1) Trong đám học khoa học về lễ quỷ thần.

cửa có đủ khí trời ánh sáng, đường ngõ đừng để rác - rưởi phân - tro ; cứ theo như pháp lệnh của chính - phủ bảo - hộ đặt ra, năm nào hễ đến mùa hè cũng phải quan vệ-sinh đi khám từng nhà, nhà trống, nhà ngoài, cổng ngõ, cổng rãnh, nhà nào để như bần thì phạt, và bắt nhà nào cũng phải quét vôi để trừ dịch - trùng, thật là phải lắm. Dịch với chẳng dịch không phải tại đâu quan ôn ; yên với chẳng yên, không phải cần mà được, không cần mà bị.

Cái tục đưa ôn của người xứ mình, nói về cái đạo kính thần cầu phúc cùng cái cách phòng bệnh vệ - sinh cũng đều không hợp cả. Mà cái lễ đưa ôn lại có hại về đường kinh - tế trong nước có phải là nhỏ

đâu ! Kìa những giấy xanh, đỏ, trắng, vàng cùng các thứ trang-kim, người mình đều chưa làm được cả ; tiền đồ sông ngò về một khoản ấy, tính ít ra mỗi một đám đưa ôn to tới một hai trăm đồng, nhỏ cùng một vài chục ; coi trong số thương - chính những giấy mùi ở bên Tàu nhập cảng thường mỗi năm có tới năm sáu triệu quan tiền tây ; mất tiền thật mà mua lấy của đốt ra tro, tổn thiệt cho người mình không biết đâu mà kể.

Nước ta trăm việc không mấy việc là không cần phải cải - lương. Cái tục tiền quan ôn này tưởng cũng là một việc ta nên cùng nhau kịp kịp cải - lương vậy.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

Các bạn đọc - giả

Mỗi khi các bạn có gíp viết thư cho chúng tôi, xin các bạn cho biết ý-kiến đối với tờ tạp-chí này, hoặc cần phải sửa đổi gì, hoặc bài vở nên như thế nào, chúng tôi rất cảm ơn và hết sức hoan-ngênh.

DỊCH HÁN VĂN

BÀI VĂN VIẾNG TẤM ĐÁ MỘ-CHỈ CỎ

của ông CHÂU - DỊCH - QUANG

Cách nơi tiên - phần (1) vài trăm bước, người làm nó đào đất, bắt được một tấm đá cỏ, bề ngang bề giọc đều hơn thước. Ta chùi hết bùn đất, nhìn ra thì là tấm mộ-chỉ-minh của người đời Đường, chữ chưa lỳ hết còn đọc được, trông rất có vẻ cổ.

Trong lời chỉ nói táng ngày quý - Hợi tháng mười năm đầu niên-hiệu Đại-trung (niên hiệu vua Tuyên-tôn đời Đường) ; người đó tiên-thế (2) đều quý hiệu, ba đời cha con anh em kế tiếp nhau làm quan ; có ghi họ tên mà chỗ đó chữ lỳ hết không đọc được ; quê quán người đó thì ở làng An-phượng ; trong lời chỉ kể người đó là thông minh nhân hậu, nhưng văn rất giản thực, không có giọng tán tụng nhằm như văn mộ chỉ gần đây.

Than ôi ! táng là chôn ; xương thịt người ta chôn ở trong đất, thế nào rồi cũng phải nát hết, nên làm chỉ để ghi hạnh trạng (3) người, làm minh để lưu danh tiếng người, ngô hầu sông núi dù có lúc đổi thay chữ cái đó cũng không bao giờ mất : thế mà tự niên hiệu Đại - trung đời Đường đến nay mới có một ngàn sáu trăm năm, quan quách đâu hết, mẫu xương không còn, tấm đá mộ chỉ này giá vào tay người khác thì chẳng qua cũng là tấm tảng mà thôi ; thơ Trương tịch có câu : Sấm kẻ ngàn vàng bia đá cao, để sau cho chúng làm cầu ao. Nay đã chẳng may mà bị đào lên,

1) Mộ mà tổ tiên.

2) Các đời tổ tiên.

3) Tính nết, công việc khi sinh thời.

lại may mà gặp ta, mà lại cũng không may không còn biết tên họ là gì nữa. Người đời cam cui xuất trong trăm năm, lại đau đầu đến ngoài trăm năm, tệ tình kiệt thần để cầu bất hủ, (1) cũng có ích gì đâu: Ông Án-bình-trọng nói: « Con người ta lúc chết đem thiêu đi cũng được, đem gìm đi cũng được, khâm gấm niệm vóc mà đựng vào quách đá cũng được, quấn mảnh chiếu manh mà vút xuống ngòi lạch cũng được ». Lời nói thật là đạt (2) thay !

Tuy vậy, tấm mộ-chi này đã lọt vào trong con mắt ta trông thấy, biết đâu cái thần khí người nằm trong mộ chẳng truyền vào năm đất mà còn phảng-phất ở đâu đấy ư ? Ta sai trẻ chôn lại tử tế mà lấy chén rượu đĩa thịt cúng trước vong-linh người, đọc mấy câu văn khấn rằng: Trước ngàn sáu trăm năm, ta không biết người là quý hay là tiện, là hiền hay là ngu. Sau ngàn sáu trăm năm, người không tự biết là hiền (3) hay là hối (4), là mất hay là còn. Rồi lại sau đây trăm ngàn năm nữa, cái mộ-chi của người có chắc không mất không ? Cái lời nói của ta có chắc còn không, ta với người đều không biết được cả. Mà kể lúc trước xót thương thăm thiết đặt cái mộ-chi cho người. Kể bây giờ than thở bùi ngùi chôn cái mộ-chi cho người, ấy thôi cũng phó mặc cái trẻ ranh tao-hóa kia nó đùa, nó dòn cả ta lẫn người mà ta với người lại cũng chẳng biết gì với gì nữa, thương thay !

DƯƠNG-BÁ-TRẠC



-
- 1) Không mục, còn mãi.
 - 2) Đạt lý, không câu lệ thói thường.
 - 3) Rõ rệt, tiếng tăm lừng lẫy.
 - 4) Nhòa tối, chẳng có tiếng tăm gì cả.

NÉT MỤC XƯA

BÀI PHỤ BẢNG HỮU KIM KÝ

Cụ Huyện - Phục



Bài này của Cụ Huyện-Phục, người Bình-Định (Trung-kỳ) vì tức cảnh mà làm ra, gửi cho ông bạn của cụ, ông này lúc ấy đang làm Tổng-đốc tỉnh Bình-Định, lấy vợ ở đó, luôn cả ba chị em.

Bài này dùng toàn câu phương - ngôn, tục - ngữ, ca - dao v, v. ... ở Bình-Định, cách sắp đặt lối lang rất tài tình, chỉnh-đốn, khiến lời rất thú, đối chọi, từng chữ, từng câu. Vẫn có đôi câu phải chuyển đảo nguyên văn đôi chút song ý nghĩa vẫn cứ rõ ràng, ai am hiểu những mối ẩn tình ước uất của cụ và những câu tục - ngữ phương ngôn ấy chừng nào, lại càng khen ngợi nức-nở chừng này. Đôi đoạn trong bài lại hàm cái ý nghĩa châm biếm, mà toàn thể bài thì thật rõ là một bài luân-lý học, đủ đủ lẽ khuyên răn, mà lại còn hợp nhơn - tình, phong - tục. Thật là một áng văn - chương rất có giá trị vô cùng lại đủ hiển tài liệu cho các nhà khảo-cứu ca-dao, tục-ngữ của tỉnh này vậy.

Trong một kỳ sau kỳ-giả sẽ đăng tiểu-sử của tác-giả bài này, để độc - giả được rõ rằng cụ xưa vẫn là một nhà rất lão luyện về nghề quốc âm vậy.

HỒI - CHI (*Dégi*)

$$= \times =$$

Người trong trời đất, học đôi thánh - hiền ;
Sang hèn đã có máy thiên, thường ghét mặc dầu tình thế ;
Cha nói ngang, quan nói hiếp, biếp ngang phận phải chịu lòn,
Vú rằng có, vợ rằng không, không có công mô đôi chối ;

Đất đã đắp, đắp cho nên núi, chín chày phải gấn công lao,
 Đường dầu đi, đi dốc tới nơi, ngàn dặm chi nài lao khổ :
 Tuy gấn mực thì đen, gấn đèn thì tỏ,
 Song có thân phải dốc, có vóc phải toan ;
 Đừng quen người gây mùa vườn hoang,
 Mà học kẻ trống qua cửa sấm :
 Tài trí xem còn thấy chậm, hát xoay lúa, mùa lại tắt đèn,
 Phận duyên gấm hời biết hèn, khóc hồ người, cười ra
 nước mắt ;
 Song mà khi này còn khi khác, mĩa sâu có đốt, nhà đột
 có nơi ;
 Muốn cho lòng đó tỏ lòng đây, chuông đánh mới kêu,
 đèn khêu mới sáng ;
 Mưa chớ đem lòng đen bạc, khá đưa giữ dạ sắt đinh ;
 Một con sâu khuấy rần nồi canh, lăm-lỡ đó đã thấy vậy, ba
 mươi cái răng đóng trắng cái lưỡi, hèn gì nầy phải âu lo ;
 Miễn là mất lòng trước mà được lòng sau ; e khi một
 miệng kín mà chín miệng hở ;
 Cũng mong hiệp một nhà Tần Sở, thần cây da, da cây
 thần, dễ muốn phân hai ngã Sâm Thương, phật giả
 ni, ni giả phật ;
 Khôn thì sống, hống thì mất, lời kia tục những thường
 rằng. Đầu trở xuống, cuốn trở lên, lẽ ấy ai mà biết thấu.
 Thương nên tốt, ghét thì nên xấu, lành đồn gần, dữ
 lại đồn xa,
 Gấm cũng phùng con ông cháu cha, phải chi nhà
 thuyền mượn lái mượn ;
 Người hiền xem tướng, râm mây thì ắt cả lông, đầy
 tờ kể công, cao ngày lại thêm dày kén ;
 Khó nhin lời, coi thì nhin lẽ, chẳng nói, nói thì
 thương, giàu đôi bạn, sang lại đôi hầu, không phò,
 phò hóa ghét ;
 Đời còn biết so hơn tính thiệt, ta há không hả miệng
 ra rằng ;
 Hời là coi sẵn, tiêu mỡ phải sẵn, chớ thấy rồi chạy
 nổi rang cũng chạy ;

VĂN - HỌC PHÊ - BÌNH

Những áng văn hay⁽¹⁾

CHẤT - HẰNG

Cũng như tôi, các bạn đọc - giả mới đọc qua cái tên sách trên này tất cho rằng cuốn sách mà tôi thử phê-bình hôm nay là chỗ hên-hò của những cái hay, cái đẹp trong nền quốc - văn, tức là những bài văn kiệt - tác mà nhà xuất-bản đã mất công tìm kiếm, lựa-lọc và in thành sách để lưu truyền lại cho đời sau.

Nhưng sự thực thì không đúng hẳn như thế. Vì ngoài một ít bài trích lục ở chuyện Kiều, ở khúc Cung-Oán, ở thiên Chinh-phụ-ngâm hay ở những tập thơ của Hồ-xuân - Hương, Tú-Xương, Yên-Đỗ, Chu-mạnh-Trinh mà các nhà biên tập cuốn « Những áng văn hay » hẳn đã xàng xẩy kỹ lưỡng trước khi đem công-bố cho những người thích văn, chúng tôi thấy phần nhiều là những bài luận thuyết hay

bút chiến của các ông Phan-Sào - Nam, Ngô-Tập-Xuyên, Phan-Khôi, Phạm - Quỳnh, Huỳnh-thúc-Kháng, nhất là những bài phê-bình nhân-vật có quan-hệ đến sự tài-bồi nền quốc-văn và những bài phê bình văn - chương của những văn-gia tiền bối.

Thì ra đúng như cái tên của nó : « Những áng văn hay — Thử phê-bình nhân-vật và văn - thơ cổ kim — *Morceaux choisis et essai de critique des auteurs annamites* », cuốn sách này chỉ như là một món dưa góp, trong đó các nhà biên tập đã quá tham đem trộn lẫn lộn đủ tất cả những thứ ngọt, đắng, mặn, chát, chua, cay.

Tôi nói trộn lẫn-lộn là vì cuốn sách này xếp - đặt không theo một trật-tự nào cả. Tôi thấy những áng văn mà các nhà biên-

(1) Nam-ký thư-quán xuất bản MCMXXXIII Giá bán 0\$50.

tập tữ cho là hay thường xen vào giữa những bài phê-bình của ông Thiếu-Son mà có lẽ các nhà biên-tập cũng tữ cho là hay, vì mấy tiếng « *Những áng văn hay* » in bằng chữ lớn hình như mới thật là tên cuốn sách mà tôi nói đến trong bài này.

Tuy các nhà biên-tập không xếp « *những áng văn hay* » riêng với những bài phê-bình nhân-vật và văn-chương, tôi tưởng ta cũng nên phân biệt như thế cho tiện sự phẩm-bình.

Bây giờ ta hãy nói đến « *những áng văn hay* ».

Nhưng trước hết, ta hãy xem các nhà biên-tập bằng cứ vào đâu mà dám « *cả gan* » — cái cả gan này là sự quá bạo thật chứ không phải là lời nói nhún ở trong bài tựa — cho những bài mình trích-lục là « *những áng văn hay* ».

Tôi ngờ rằng các nhà biên-tập đã đem cái khiêu phê-bình (*sens critique*) ra mà lựa trọn vì trong bài tựa thấy nói:

« *Thấy rằng nước ta từ khi có quốc-văn đến nay, từ*

những áng văn rất có giá-trị về văn-chương của tiền-nhân, gần đây và hiện nay trên các báo chí cũng thấy có nhiều bài về phương diện văn-chương cũng như về mặt lý-thuyết, không kém gì của cổ-nhân mà đối với thời đại học-thuật này, tương-lai còn có vẻ đặc-dụng hơn ».

Nhưng các nhà biên tập hình như không tữ-tín, cho nên lại nói:

.... « *Vô luận xưa nay, mới cũ, trong sách báo nào những bài đã được nhận là hay, chúng tôi đều lục đem vào đây* ».

Vậy thì ai nhận là hay? Các nhà biên tập ư? Người trong nước ư?

Nào tôi biết trả lời thế nào, vì câu văn vừa kể trên có ngu cái nghĩa hàm-hồ lắm.

Tôi vẫn biết rằng tiếng hay không có nghĩa tuyệt-đối, nhưng một áng văn hay tất phải có giá-trị về đường tinh-thần và nhất là về đường hình-thức. Đánh rằng văn hay không ở sự gọt trổ từng chữ từng câu, nhưng trong bài văn có nghĩa-lý uyên-thâm đến đâu mà lời

văn không chải-chuốt trôi chảy thì không thể nào cảm-dỗ nổi người đọc. Dầu sao, lời văn hay vẫn gây nên hứng-thú cho người ta trong lúc ngâm nga.

Vậy mà các nhà biên-tập không chú-trọng đến điều đó, cho nên trong cuốn «*Những áng văn hay*», người ta chỉ thấy phần nhiều là những bài luận-thuyết hay bút chiến của mấy nhà văn đã đăng trên các báo mới đây, mà các nhà biên-tập hình như muốn đem «trung» ra vì cái tên của tác-giả hơn là vì văn. Như những bài «*Luận về khí-tiết*» của Phan-Khôi, «*Luận về chánh học cùng tà thuyết*» của Ngô-đức-Kế, và «*Chiêu-tuyệt những lời bài báng cho một nhà chí sĩ mới qua đời*» của Huỳnh-thúc-Kháng, về phần tư-tưởng chứa hẳn đã được xác-đáng cả, mà cái thể-văn luận-thuyết há có thể gây cái hứng-thú cho tất cả mọi người được đâu. Có phải ai ai cũng có thể nói được rằng bài văn ấy hay là ở chỗ này chỗ nọ đâu. Theo cái tâm-lý chung, một bài văn có thể cảm được người có học cũng

như người không học thì mới thật là hay, người có học thì biết được hay ở chỗ nào, còn người không học thì chỉ biết hay vì nó thấm-thía đến tâm-can. Bài «*Hịch răn tướng-sĩ*» của Trần-Hưng-Đạo đọc lên khiến cho những ông tướng có học cũng như những tên quân vô học đều rung-rung nước mắt, thồn-thức trong lòng mà thề cùng quân Nguyên chẳng đội trời chung, há có phải là chỉ nhờ riêng ở những tư-tưởng kích-thích cả đảo. Lời văn cũng cần lắm chứ!

Vả lại, đem «trung» những bài văn mà chỉ một cái tên-ký của tác-giả đã đủ làm đảm-bảo thì có khó khăn gì. Giá các nhà biên-tập «*Những áng văn hay*» chịu khó tìm kiếm trong những đồng báo chí lấy cho được mười bài văn hay của những nhà văn mà cái tên chưa được sáng tỏ thì công ấy mới là công đãi cát lấy vàng. Không phải là trong làng văn quốc-ngữ, số nhà văn sản ra những áng văn hay chỉ thu lại có trong bọn Phan

Khôi, Khắc-Hiếu, Phạm-Quỳnh, Sào-Nam, Tập-Xuyên, Thúc-Kháng mà thôi đâu.

Vì vậy, người ta có thể cho những « *morceaux* » trong cuốn sách này chẳng « *choisis* » chút nào hết.

Cho nên tôi cũng có thể nói rằng cái việc góp nhặt « *những áng văn hay* » của nhà xuất bản Nam-Ký chẳng « mới » tí nào, tuy các nhà biên tập tự cho nó là mới như nhời trong bài tựa.

Còn như « *sợ rằng nền học vấn mới gây nên của nước ta không được tiến bộ* » mà phải biên tập và xuất bản « *Những áng văn hay* » thì có lẽ các nhà biên tập đã quá sợ mà quên mất lẽ phải.

Chúng tôi thật nhận cho nhà xuất - bản Nam-Ký có công với nền quốc văn đang thành lập này. Song nói rằng « *Những áng văn hay* » nếu không có tất nền quốc văn sẽ không tiến bộ thì thật là quá đáng, trừ khi người ta hiểu rằng « *Những áng văn hay* » sẽ giúp một phần vào tương lai nền quốc văn nó cứ

cùng thời gian cùng tiến theo cái luật tự nhiên mà bất cứ thứ văn - tự nào cũng đều phải tuân theo.

Sau hết, chúng tôi không thể bỏ qua cái phần « *thử phê bình nhân vật và văn thơ cổ kim* » vì có lẽ nó chiếm một địa vị quan trọng nhất trong cuốn sách.

Nói đến phần này, tất không thể quên không kể tên ông Thiếu-Sơn là cái tinh-thần của nó.

Ai hay để ý đến nền văn nước nhà tất cũng biết rằng năm trước đây, với những bài phê bình nhân vật đăng trong Phụ nữ Tân-văn, ông Thiếu-Sơn đã « *chinh phục* » được chút đỉnh vinh dự ở trong Nam.

Người ta đã hoan nghênh ông như vậy thì chắc cái ngòi viết của ông chẳng phải là không có giá trị. Nhưng trong khi chúng ta còn đang lẩn mò trên con đường văn-học phê - bình mà chúng ta mới loạc-choạc bước lên này, tôi tưởng chúng ta nên bảo lẫn cho nhau những cái khuyết điểm mà người này thấy ở người nọ. Cách - ngôn tây có nói :

« Người ta thường nghiêm khắc với kẻ khác, mà không bao giờ nghiêm khắc với chính mình ». Nhưng chúng ta phải nghiêm với chúng ta mới được.

Ông Thiệu-Sơn đọc đến đây chắc cũng lượng thứ cho tác-giả những giọng này.

Vậy xin phép ông vạch ra mấy cái khuyết điểm chẳng riêng gì một mình tôi đã nhận thấy mà phạm người nào có lương tri (bon sens) khi đọc « *những áng văn hay* » cũng có thể làm được như tôi một cách rất dễ dàng.

Trước hết ông bị cái tên đã có giá-trị của tác-giả che lấp mất cả tri xét đoán, thành ra nhiều khi ông phê bình không được xác đáng.

Nói về ông Phan-Khôi, ông Thiệu-Sơn viết :

« Trừ lối văn luận-thuyết
« mà ông cũng là một tay
« đàn anh trong đàn ngôn-
« luận, ông còn một lối văn
« đặc biệt, là lối văn hàng
« ngày, nó hay, nó có duyên
« và vui vẻ làm sao, nó khéo
« đến cả trong lối sắp đặt
« từng câu từng chữ của ông,

« nó mặn mà thấm thía đến
« tinh thần người đọc... Các
« nhà viết báo thiện nghệ
« ngày nay chưa chắc đã có
« một tay nào có được lối
« văn ấy... Thực vậy, lối
« văn hàng ngày trên báo
« của ông Phan-Khôi có thể
« đem ra so sánh với lối văn
« hàng ngày của ông De la
« Fouchardière ở báo l'*Oeuvre*
« bên Paris... »

Thật là quá bạo ! Tôi đã từng đọc đến lối văn hai « người tù khổ sai của báo hàng ngày » (les forçats du quotidien) ấy mà tôi thật là rã dẹt dè khi phải hạ một lời định luận như ông.

Ông lại hay vâng theo cái thành kiến nên thường kém cả bụng vô tư.

Ông trách ông Phạm-Quỳnh sao bỏ chỗ đất văn-học là nơi ông có biệt tài để giúp ích cho nước mà đi bước vào chỗ đất chánh trị rất bấp bênh. Thì ra ông quên rằng, cho được tới cái mục đích ích quốc lợi dân, người ta có trăm đường nghìn lối miễn là những đường lối ấy sạch sẽ, Khang trang.

Đối với ông Nguyễn-văn-Vĩnh cũng vậy. Ông Thiệu-

Sơn trách ông Vĩnh tồn-cổ bằng « Niên-lich thông-thư » nhưng không xét rằng trong cuốn sách mà ông cho rằng chứa đầy những sự di-đoan ấy có một phần rất thiết-thực và được việc cho người ta không phải ít, tỉ như những điều khản-yếu mà mọi người nên biết trong « Phép làm nhà » ở trong quyển « Niên - lịch thông thư » năm Nhâm-thân (1932).

Vậy nếu ông Vĩnh có tội mê-hoặc dân-trí thì ông cũng có công mở mắt cho nhiều người về đường thực tế. Mà đem công nọ chuộc tội kia cũng chẳng có gì là không xứng đáng.

Đến cái chỗ trách ông Vĩnh sao không dùng tờ báo quốc-văn mà cổ động cho cái chương trình « Trục trí » thì lại càng tỏ ra ông Thiếu-Sơn không thật biết cái tình-thế của một tờ báo quốc-văn sống dưới cái chế độ hiện hành ở cả Trung, Nam, Bắc lâu nay.

Những cái tiêu-tiết mà tôi vừa kể ra đó nếu chẳng đủ để làm chứng cho cái bụng thiên-lệch của ông

Thiếu-Sơn thì tôi lại xin kể thêm cái « ca » của ông Nguyễn khắc Hiếu.

Ông Thiếu - Sơn không muốn cho ông Tản-đà ra ngoài cái địa vị một nhà thi - sĩ :

« Vậy mà ông chẳng thêm
« nhận chân lấy cái địa-vị
« đặc biệt của ông ở trong
« văn giới nước nhà. Con
« đường mà tạo hóa đã vạch
« sẵn cho ông, ông không
« chịu đi, lại chỉ định tự
« vạch lấy con đường nó
« đưa ông đến chỗ thất bại
« mà thôi.

« Thật vậy, từ đã lâu,
« ông chỉ nuôi cái hy vọng
« làm một nhà « văn học
« kiêm triết học » mà rồi
« nay ông bôn tẩu theo nghề
« làm báo. . . Ông làm đường
« rồi ! ông ơi ! Ông mà chạy
« theo văn học thì cái thi
« cảm của ông nó tắt lên
« mây . . .

« Đối với những bậc học-
« giả chân chính trong nước,
« không biết ông có ngày
« theo kịp không, mà riêng
« đối với ông, ông đã tự
« giết một nhà thi - sĩ thân
« yêu của quốc dân vậy. . .
« Nhà thi sĩ thân yêu của

« quốc dân biết ngày nào
« lại trở lại với chúng tôi?... »

Vậy ra ông Thiệu - Sơn
chừng cũng lại vâng theo một
cái thành kiến mà muốn cho
ông Tản - Đà làm như « con
tằm đến thóc hầy còn vương
tơ » và quên rằng nếu ông
Tản - Đà mà thật là một
thi-sĩ giàu thi cảm theo
cái nghĩa một thi-sĩ phương
Tây thì dẫu ra làm một
nhà ngôn luận, cái hồn
thơ của ông đã chẳng vì
thế mà tiêu mất nào, lại
những khi ông thất bại
trong trường ngôn luận, ta
còn phải thồn thức lòng
về những lời thơ ai - oán
của ông.

Chẳng những ta không
nên trách ông Tản - Đà mà
ta nên khen ông đã biết
tiến về đường thực - tế.

Nghiệm rằng cái đời mơ
màng thơ thần của một thi-
sĩ chẳng có ích gì cho đời

hơn là ru những bộ óc chán
nản cuộc đời, Tản - Đà tiên-
sinh định ra làm một nhà
ngôn luận để mong giúp
ích cho đời về đường thực
tế, nhưng chẳng may bị
thất bại hết bạn này đến
bạn khác. Song sự thất
bại đó có nhiều nguyên
nhân chính, há có phải bởi
riêng tại đem cái óc thực
nghiệm mà thay vào cái
óc lãng - mạn đâu.

Ngoài những cái khuyết
diểm lớn ấy, tôi còn nhận
thấy nhiều điều vụn vặt đáng
nói nữa song « *Những áng
văn hay* » này mới là bước
đầu của nhà xuất - bản
trong công việc biên tập bộ
« *Văn-học từng thư* », thì ta
hãy chờ quyển thứ hai là
« *Lối văn phê bình hơn vật
và văn chương* » của Thiệu-
Sơn sắp xuất bản nay mai rồi
sẽ bàn thêm.

CHẤT-HÀNG

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

Bản-chí có tiếp được quyền **Đường thi hợp tuyển** của
ông DƯƠNG-MẠNH-HUY san dịch và chú giải (đã được duyệt
chuẩn làm sách học) dày 64 trang giá bán 0\$50, có bán ở
các hàng sách. Xin có lời cảm ơn và giới thiệu cùng đọc giả

CHINH PHỤ NGÂM

DỊCH RA PHÁP VĂN

(Tiếp theo số 16)

529. — Sây nhớ khi cảnh Diêu, đóa Ngụy,
Trước gió xuân vàng tia sánh nhau.
Nọ thì ả Chức chàng Ngâu,
Đến (tới) trăng thu lại bắc cầu qua sông.

533. — Thương một kẻ (1) phòng không luống giữ,
Thời tiết lạnh lắm iỡ đòi nau.
Thoi đưa ngày tháng ruồi mau,
Người đời thắm thoát qua màu xuân xanh.

537. — Xuân, thu dễ giận quanh ở dạ,
Hợp, ly đành buồn quá khi vui.
Oán sầu nhiều nỗi tơ bời,
Liều bỏ hầu dễ ép nài chiều xuân.

Voici des fleurs de garance qui, les unes jaunes, les autres pourpres, sont côte à côte devant le souffle printanier. Bien plus, la demoiselle Chức et le jeune Ngâu, condamnés à une séparation définitive, sont pourtant autorisés à se rencontrer pendant les nuits d'automne. C'est bien à plaindre le sort de celle qui doit toujours rester toute seule dans sa chambre en laissant échapper les moments heureux de sa vie ! Tel une navette qui passe le temps s'envole rapidement. Et l'homme bientôt voit s'enfuir sa jeunesse.

Au printemps comme en automne, je garde le ressentiment dans mon cœur. Ma destinée est de supporter les tristesses de la séparation plutôt que de jouir des joies de l'union. Ressentiments et tristesses tourmentent mon cœur, et, comme le saule et le jonc, je ne saurais garder toujours ma fraîcheur.

1) Var. Thiết một thân.

PLAINTES DE LA FEMME D'UN GUERRIER

Poème populaire annamite

Traduction littérale et interprétation française

PAR UYÊN - TOÀN

(Suite)

529. — Soudain (je) songe (aux) moments (où les) branches
(de garance de la variété) Diên (et) celles (de la variété) Nguy (1).

Devant (le) vent (de) printemps, (les unes) jaunes,
(les autres) pourpres, (sont) côte à côte.

Voilà (la) demoiselle Chừc (et le) jeune Ngâu (2).
(Quand) arrive (la) lune d'automne, de nouveau,
(ils) jettent (un) pont pour traverser le fleuve (3).

533. — (Qu'elle est à) plaindre (l')unique personne (qu'
la) chambre vide, toujours garde,

(Et qui, les) temps favorables, manque bien des fois!

(Comme une) navette (qui) passe, (les) jours (et
les) mois filent rapidement.

Pour (l')homme (de ce) monde, bientôt passe (la)
couleur (du) printemps vert.

537. — (Le) printemps (comme l')automne laissent (le)
ressentiment autour (du) cœur.

(Entre la) réunion (et la) séparation, (il faut) se ré-
signer (à ce que la) tristesse (de l'une) dépasse (les) moments
joyeux (de l'autre).

(La) rancune (et la) tristesse, beaucoup de senti-
ments bouleversent (mon cœur).

(Comme le) saule (et le) jonc, (il ne m'est) pas fa-
cile (de) contraindre (le) printemps (à rester).

1) Deux variétés de garance, l'une, aux fleurs jaunes, cul-
tivée autrefois en Chine par la famille Diên, l'autre, aux fleurs
pourpres, cultivée par la famille Nguy.

2) Voir V. H. T. C., n° 10, p. 25, note 1.

3) D'après la légende, Chừc-nữ (la Fisseuse) et Nguru-lang
(le Bouvier), séparés l'un de l'autre, sont autorisés tous les ans,
le 7^e du 7^e mois, à traverser le Fleuve d'Argent (La voie lactée),
pour se rencontrer.

541. — Kia Văn-quân mỹ miều thuở trước,
E đến khi đầu bạc mà thương.

Mặt hoa nọ gã Phan-Lang,
Sợ khi mái tóc pha sương cũng ngừng.

545 — Nghĩ nhan sắc đương chừng hoa nở,
Tiếc quang âm lần lửa gieo qua.

Nghĩ mệnh bạc, tiếc niên hoa,
Gái tơ mấy chốc mà ra nạ dòng.

549 — Gác nguyệt (hương) nọ mơ màng vẽ mặt,

Lầu hoa kia phảng phất mùi (hơi) hương.

Trách trời sao để nhỡ nhàng,

Thiếp rầu thiếp, lại rầu chàng chẳng quên.

Văn-quân qui était pleine de charmes dans sa jeunesse, faisait pourtant pitié à voir quand elle avait la tête toute blanche. Phan-lang lui-même, réputé pour sa grâce, se lamentait sur son sort quand ses cheveux étaient blanchis par l'âge. En songeant à ma beauté comparable à celle d'une fleur en train de s'épanouir, je regrette le temps qui s'enfuit. Plus je songe à ma destinée ingrate, plus je regrette mes années de jeunesse. Hélas ! Combien de temps faut-il pour qu'une jeune fille devienne une vieille dame ?

Bien des fois, assis dans cet étage qu'éclaire la lune, je me représente les traits de votre visage. D'autres fois encore, me tenant dans ce pavillon recouvert de fleurs, je crois sentir votre parfum. Je m'en veux au Ciel de nous faire manquer de bonnes occasions. Je m'attriste sur mon sort, je m'attriste sur le vôtre et ces sentiments tristes me poursuivent sans cesse.

541. — Voici Vãn-quân (1) (si) gracieuse autrefois :

(Il fallait) craindre le moment (où, la) tête (toute blanche comme de l'argent, (elle ne fit) pitié (à voir).

(Au) visage (souriant comme une) fleur, voilà le jeune Phan-Lang (2) :

(Il fallait) craindre (le) moment (où, les) tresses (de) cheveux mêlées (de) rosée, (il n'eût) également honte de lui-même.

545. — (En) songeant (à ma) beauté [lit. : couleur (du) visage] (comparable à celle d'une) fleur en train (de) s'épancir,

(Je) regrette (le) temps [lit. : la clarté et l'obscurité, pour dire la succession des jours et des nuits] (qui) au fur et à mesure passe.

(Je) songe (à ma) destinée ingrate [lit. : mince] (et je) regrette (mes) années (de) jeunesse [lit. : fleur].

(Des) jeunes filles, (au bout de) peu de temps, deviendront (de) vieilles veuves.

549. — (Dans cet) étage ci éclairé par la lune, (je) rêve à votre physionomie ;

(Dans le) pavillon fleuri de) là-bas, (je sens encore) vaguement (l'odeur (du) parfum.

(Je) reproche (au) Ciel de (nous) laisser manquer (les bonnes occasions).

Je m'attriste (sur) mon (sort), je m'attriste (sur) (le) vôtre sans (jamais) oublier (ces sentiments tristes).

(À suivre)

(1) Il s'agit de Trác-Vãn-Quân qui restait très belle quand elle devint veuve. Elle fut éprise de Tư-Mã Tương-Như et l'épousa.

(2) Il s'agit de Phan-An-Nhân dont la grâce attirait toutes les jeunes filles de son temps.

|| Kỳ sau sẽ đăng kết quả CUỘC ĐỐ GIẢI TRÍ ||

MỘT BUC THU

THƯA CÙNG CÁC BẠN CÓ QUEN BIẾT

Nay nhân tôi về ở Sơn-Tây, lại có bài viết trong Văn-Học Tập-Chí, Annam Tap-chi chưa biết lúc nào lại có thể ra được, mà từ nay cái hành tung của tôi đi lại Hanoi cũng là các nơi khác, liệu cũng không như xưa. Con chim bay mỗi về rừng thực một đoạn biến thay trong thân-thể. Non đoài bóng sế, cất chén nhớ người xa, trúa-trọng ít hàng xin gửi cùng các bạn có quen biết là những ai có từng đọc qua văn của tôi mà có lòng yêu tôi, những ai đó, ân-nhân, cố-nhân, tình-nhân.

Hai mươi năm sinh-nhai nghề quốc-văn, nhờ đó được cùng ai quen biết. Nếu từ sau lúc Khố-tình-con xuất bản, nước sông Đà, mây núi Tản, ngày đêm quán-quít cùng nhau, mà nay viết báo thuê, mai in sách bán, nước sông gạo chợ, vui vợ đùa con, nếu đời người như thế cũng là song : song mà nhân-sinh do Tạo-hóa an-bài, cho nên mới có nửa năm giới ở báo Hữu-thanh vậy.

Từ Hữu-thanh Tap-chi không có kỷ-cương, mà rồi mới lại có Tản-Đà thư-cục ; Tản-Đà thư-cục không có khi lực, cho nên mới lại có Annam Tap-chi. Từ Annam Tap-chi ra đời, chẳng biết có hay dở gì đến ai, chỉ hại tiền của xã - hội thực lắm. Nay tôi nghĩ đến câu trong truyện Kiều : « KỀ TỪ GÂY VIỆC BÌNH ĐAO, ĐỒNG XƯƠNG VÔ ĐỊCH ĐÃ CAO BẰNG ĐẦU », đáng dặt mình cho cái vết đã qua, mà bển-lên hương cùng ai tạ quả. Lại nghĩ đến những lúc để vợ con trong Nam mà một mình trở ra Bắc, giăng tà gió lạnh, ngủ xe hơi giữa quặng rừng xanh, thời như mình cũng lại có lỗi với mình, mà cũng đáng cảm thương cho cái bước ba đào vậy. Song tóm lại, thế gian vạn sự đã là do Tạo-hóa an bài, thời các việc đã qua cũng không cần nghĩ lại cho lắm. Chỉ nhớ đến như câu :
« THỬ Ử KỲ NHÂN SỞ TÁNG CỔ BÁT SI, NHỊ Ử XÃ HỘI SỞ

THẤT NÃI VƯU CỰ » (1) Buồn cho ai mà tiếc với ai ai !

Trong thiên-hạ xưa nay, những cảnh đã buồn thời khó thể làm cho nên vui, việc đã đáng tiếc thời tiếc cũng vô-ích. Cái thì giờ buồn tiếc, chỉ nên thu-trình tinh-thần, tự tìm lấy một cảnh-ngộ khác, hoặc còn là có ích mà có hứng-vị một hai. Cho nên trong lúc vô-liêu, tôi lại nhớ đến lời nói của người bạn xa là ông Thiếu-sơn mà nghĩ rằng ; nếu được như lời ông, sống sinh-nhai bằng nghề thơ, sau lúc chết có người trở mộ nói rằng « ẤY LÀ MỒ GHỊ SĨ » Đời người như vậy, chẳng cũng là đáng đủ lắm ru ?

Tuy vậy, người ta, ai có chí - hướng của người ấy ; mà phàm đã là người hơi có chí, thường hay muốn những việc trên sức mình có thể làm. Đến khi lực bất tòng tâm, mà rồi công việc không ra sao, cũng chỉ lại cho là tạo-hóa an bài mà đành lại tự tìm cảnh ngộ vậy. Cứ hiện - trạng của tôi nay, chỉ biết rằng về ở Sơn-Tây, mà thường nằng có bài viết ở Văn-Học Tạp-chi, mong rằng còn được những ai đó, chơi với nhau bằng văn thơ. Còn như chí-nguyện của tôi, cũng muốn nhân hồi này tu - trình lại Tản - Đà thư - cục và làm nổi bài Thiên - lương, nhưng giờ có chiều người hay không, thời lại không dám biết trước. Họa chẳng giờ có chiều người mà cảnh ngộ xoay vần còn lắm, ời :

TRĂM NĂM CÔI TỤC CÒN GIẢI.

CON ĐƯỜNG VÔ-HẠN TRÊN ĐỜI CÒN XA

Nay tôi có bức thư này đề kính đưa những ai, một là nhân trong lúc vô-liêu, hai là tình lý cũng nên có. Vì rằng người ta đã yêu nhau thời thương, đã thương nhau thời nhớ, đã nhớ nhau thời thường muốn biết tâm-sự và cảnh huống của nhau ra sao. Nợ tình chưa giả, duyên văn chưa dứt tơ đào, mây nước tuy xa, ngư nhân chưa vắng.

Nay kính

NGUYỄN-KHẮC-HIỆU

1) Hai câu này là lời văn của Nghiêm-Phục Tàu dịch của Le Mill Đức đã có dịch nghĩa và in ra ở bài « Dịch văn Tây » ra ở Annam T. G.

BÀN NỮ THẦN DÂN GIẢI

XV

- Nghe oanh xuân (1) véo von dóng dả (2),
138.-- Nghe quốc hê (3) ra rả (4) giọng kêu.
Lại càng ngỡ ngẩn (5) lao đao (6),
140.-- Lại càng tức tối tâm bào (7) lăm nao!
Nghe đêm thu ve sầu rì rì,
142.-- Nghe đêm động động rế nỉ non (8);
Lại càng rầu rĩ bồn chồn,
144.-- Lại càng tức tối gan vàng (9) chẳng xong.
Buồn muốn nói nghĩ không nên nói,
146.-- Buồn muốn trông lệ lại chứa chan;
Sắt cầm (10) muốn gãy phỉem loan (11),
148.-- Giọng sầu ra rả cho đàn ngang cung (12).
Buồn cầm quạt khi phong (13) khi mở,
150.-- Ngâm thơ tình, tình nhớ tình quên;
Thương vì phận, tủi vì duyên.
152.-- Chẳng ngờ phận khó hóa nên nỗi hèn.

Đoạn XV (Câu 137-152)

TRONG BỤNG ĐÃ BUỒN, THÌ TRÔNG GÌ CŨNG BUỒN, MÀ NGHE
GÌ CŨNG BUỒN, MUỐN BÀY TRÒ GÌ ĐỂ KHUÂY-KHỎA NỖI BUỒN
CŨNG KHÔNG SAO ĐƯỢC.

(1) Oanh xuân : Chim oanh thường cứ đến mùa xuân thì hót.

(2) Véo-von dóng-dả : Tả tiếng chim oanh hót véo-von dóng-dả bên tai như gọi nỗi buồn của mình.

(3) Quốc hê : Chim quốc thường cứ đến mùa hè thì kêu.

(4) *Ra-rả* : Tả tiếng quố kêu ra - rả bên tai như chọc nỗi buồn của mình.

(5) *Ngơ-ngẩn* : Buồn bần-thần cả người.

(6) *Lao-đao* : Buồn không yên được.

(7) *Tâm bào* : Nơi trái tim.

(8) *Ri-ri, nỉ-non* : Tả cái tiếng kêu buồn bã.

(9) *Gan vàng* : Tức là lá gan con người ta, do chữ kim thạch can trường nghĩa là ruột gan vàng đá, ý nói : người gan ruột vững bền, không bao giờ thay đổi.

Câu 137 - 144 — Tả những tiếng nghe trong bốn mùa, mùa nào nghe tiếng gì cũng hóa ra buồn cả.

(10) *Sắt cầm* : Sắt là đàn sắt, cầm là đàn cầm, hai tiếng đàn hòa hợp với nhau, người ta thường ví với tình hòa hợp của vợ chồng, duyên vợ chồng gọi là duyên cầm sắt.

(11) *Phiếm loan* : Tức là phiếm đàn.

(12) *Ngang cung* : Gảy đàn không thành cung bậc gì cả (buồn không : gảy được đúng khúc điệu).

(13) *Phong Gập vào*. — *Khi phong khi mở* : ý nói cầm cái quạt mà buồn ngơ ngẩn lúc thì gập vào, lúc thì mở ra, tâm thần chẳng định gì cả.

Câu 145 - 152 — Tả cái nỗi buồn không có cách gì tiêu-khiển được : nói không muốn nói ; trông chẳng muốn trông ; gảy đàn cũng chẳng nên tiếng đàn, cầm quạt cũng chẳng tưởng đến quạt, ngâm thơ cũng chẳng thích gì thơ, quanh quẩn lại chỉ nghĩ tới duyên phận mình mà càng thương càng tủi.

XVI

Càng nghĩ lắm tâm thần tức tối,

154. -- *Nghĩ nguồn cơn (1) nông-nỗi (2) càng đau.*

Chẳng qua kẻ trước người sau,

156. - *Thôi thì ta sẽ bán sầu (3) làm tươi.*

Lọ là (4) phải bán may bán rủi,

158. -- *Lọ là nên kẻ trước kẻ sau (5).*

Ai ôi xin chớ cười nhau,

160. - *Chẳng qua mai trước (6) hạnh sau (7) khác gì.*

Mai nở trước mai cười hạnh muộn,

162. -- *Hạnh nở sau hạnh ngán mai suy (8).*

Hạnh mai cười lẫn nhau chi,

164. - *Đến kỳ kết quả, đến kỳ khai hoa.*

Đoạn XVI (153 — 164)

NGHĨ DUYÊN PHẬN CỦA MÌNH THÌ BUỒN QUÁ, NHƯNG NGHĨ LẠI NHÂN-DUYÊN TRỜI ĐỊNH CÓ KẼ TRƯỚC NGƯỜI SAU, MA, NỞ TRƯỚC, HẠNH NỞ SAU. SỚM MUỘN THÌ CŨNG CÓ LÀ KHAI HOA KẾT QUẢ CẢ, CŨNG CHẴNG NÊN KẼ TRƯỚC KẼ SAU, BÀN MAY BÀN RỦI MÀ BÔNG KHÔNG MUA NẤO RƯỚC PHIÊN LÀM CHI.

(1) *Nguồn cơn*: Cái cơn-cớ khổn khó mình phải trải qua.

(2) *Nóng-nổi*: Những cảnh đáng thương đáng bực.

Câu 153 - 154 - tiếp đoạn trên nói cái cảnh mình nghĩ mà buồn quá.

(3) *Bán sâu*: Bỏ cái sâu đi, không đeo lấy cái sâu nữa.

(4) *Lọ là*: Cũng như nói: không.

(5) *Bàn may bàn rủi, kẻ trước kẻ sau*: ý nói cứ bận bực lo buồn về nỗi người may mình rủi, người trước mình sau.

Câu 155 - 158 - Nói chẳng qua nhân-duyên trời định. có kẻ trước người sau, thôi thì ta cũng gượng vui, chẳng nên bàn may bàn rủi, kẻ trước kẻ sau mà buồn, bực làm chi nữa.

(6) *Mai trước*: Hoa mai nở trước.

(7) *Hạnh sau*: Hoa hạnh nở sau.

(8) *Suy*: Chê, diễu.

Câu 159 - 164 - Ý nói trước sau thì cũng là có chồng có con cả, cũng như hoa mai nở trước, hoa hạnh nở sau, tuy sớm muộn khác sau, mà cũng đều là khai hoa kết quả; xin đừng có cười lẫn nhau chi.

(Còn nữa)

T H

TAP TRỎ

MỘT QUYỀN SÁCH NHỎ NHẤT

Mới đây trong tờ báo bên Ý có đem chuyện một quyền sách nhỏ nhất ra nói. Quyền sách ấy bề dài 17 ly tây, bề ngang 12 ly tây, trông nhỏ hơn cái tem dán thơ.

Quyền sách ấy nhan đề là « *Lettre de Galilée à Madame Christine de Lorraine* ».

Mỗi trang sách bằng giấy rất mỏng có chín hàng chữ và mỗi hàng mười chữ. Trọn quyền sách được 207 trang.

Cứ do theo cái nguyên-văn trong sách thì phải in đến 20 trang giấy thường.

Quyền sách ấy từ cái bìa cho đến cách đóng đều có vẻ mỹ thuật và nhiều công phu lắm.

Muốn đọc cuốn sách nhỏ xiu ấy phải đeo kính hiển vi mới được.

Hiện nay quyền sách ấy để tại nhà bán sách ở Turin, ai muốn xem cũng được nhưng không được sờ tay đến.

* *

Một cuốn sách bằng thiếc

Đời nay có nhiều chuyện lạ, lạ đến nỗi óc ta không khi nào tưởng tượng tới.

Giấy tốt giấy xấu, giấy trắng giấy màu nào có thiếu chi đâu, thế mà mới rồi bên Ý-đại-lợi người ta lại lấy thiếc trắng dát mỏng ra như tờ giấy rồi in chữ, xếp, cắt đóng thành một cuốn sách cũng như cuốn sách thường vậy.

Cuốn sách lạ lùng ấy in những bài thơ của nhà thi sĩ Marinetti, làm vinh diện cho ông không biết chừng nào. Mà thiệt lúc ai dở sách ra ngâm thơ, tiếng thiếc hòa với giọng ca, ngâm chắc cũng là thú vị lắm!

Tin buồn

Được tin bà Nguyễn - tường-Phượng mới tạ thế tại bệnh viện Saint Paul hồi 12 giờ ngày 27 Juin 1933.

Trong dịp buồn rầu này xin có lời chia buồn cùng ông Phượng và tang quyến.



MÚI TÊN ĐỘC

(NÀ THOẢNG ĐẢI)
TIỂU THUYẾT ĐƯỜNG RỪNG

Nguyễn - Lan - Khai SOẠN

(Tiếp theo)

XIV

Mai-Dung nói đến đấy, tủi lòng sa nước mắt. Bà Chánh cũng khóc.

— Ké So có nói với mẹ rằng Ké muốn nói thật cả với Bạch Hùng và xin anh ta quên thù, tha tội cho cha con, Ké chắc làm như thế sẽ có kết quả vì Bạch-Hùng thương con chắc chàng sẽ . .

— Kể ấy con e không được, Bạch - Hùng không phải là người nặng tình nhẹ hiếu. Nói ra e sợ tai hại sẽ xảy ra ngay.

— Thế thì làm thế nào?... Để vậy cũng dữ lắm, Bạch-Hùng còn chưa hiểu truyện gì, nhưng cha con thì hình như đã rõ tung-tích chàng. Nếu cha con sợ quá e hại

đến tính mệnh chàng. Mẹ không nỡ để cho Bạch-Hùng phải chết uổng mà nhất là không muốn cho cha con phạm những hai tội sát-nhân

— Khó nghĩ lắm, mẹ à ! . .

— Mẹ cứ định nếu Bạch-Hùng dả động đến việc xin ra thì mẹ nhận nhời phăng, nhưng độ này chàng hình như không nghĩ gì đến sự đó nữa. Đó lại là một lẽ đáng lo. . . . Giá trước kia cứ nhận nhời cho chàng ra thì bây giờ có lẽ chàng đi đã xa rồi.

— Nhưng trước kia có ngờ đâu ! . . .

— Bạch-Hùng và cha con, hai người chắc sẽ phải một còn một mất. Bạch - Hùng

chết ư. Mẹ con ta biết mà đề vạy cho một người lương thiện bị hại về một tấm lòng độc ác thì thực là có tội đồng-phạm với kẻ sát-nhân. Đối với pháp luật, đối với lương tâm đều không thể gỡ được. Cha con chết ư? Cái tình vợ chồng bố con, mẹ con ta ngồi yên sao đành, và nếu câu truyện vỡ-lỡ ra thì mặt mũi nào trông thấy ai nữa. Ra đường thiên-hạ họ sẽ vạch mặt chỉ trán mẹ con ta, mĩa-mai là vợ con kẻ sát-nhân!... Bấy giờ thì chỉ còn có cuốn gói bước cho khỏi động Móc chứ trơ mặt ra nhìn những sự tủi-nhục như thế phỏng sống làm sao được!

Bà Chánh nói đến đấy, gục đầu lặng yên một lát:

— Con ơi, mẹ biết rằng lòng con đau - đớn lắm. Nhưng số-kiếp con, trời định thế thì làm thế nào? Âu cũng là cái phúc-đức của cha con để lại cho con nó mong-manh quá, khiến cho đời con đáng nhẽ sung-xướng mà thành ra khổ-sở. Con khổ-sở bao nhiêu là giả nợ cái tội ác cho cha

con. Con cũng nên nghĩ kỹ, nếu không can-đảm mà chịu lấy cái quả báo ấy cho cha con, nếu con ngã lòng để thiệt-thân vì sự khổ-não thì tội cha con lại càng to lắm. Con nên thương cha con, vì thế nào cũng là cha con, cố cam tâm đành-phận.

Mai-Dung ngả vào lòng mẹ, nước nở khóc.

Ngay lúc đó, Bạch-Hùng bỗng ở ngoài đi vào. Anh ta rửa chân trèo lên thang, nét mặt vừa hoảng-bốt lại vừa như vui vẻ, một tay cầm con dao năm sáng quắc, một tay cầm mũi tên nỏ, đầu đen những thuốc độc.

Bà Chánh giật mình hỏi:

— Cái gì thế, Bạch-Hùng?

Anh ta cất giọng nói còn cảm-động đáp rằng:

— Thưa bà, con suýt chết về mũi tên này!

Mai-Dung ngồi vùng giậy, vội hỏi rồn:

— Thế nào?

Đầu đuôi làm sao hở anh?

Anh làm em sợ quá!

Bạch-Hùng nhìn thấy vết nước mắt còn đọng trên gò má Mai-Dung và bà Chánh, anh

ta ngạc-nhiên ngáy ra nhìn, lưỡng-lự không biết có nên nói nốt truyện mình. Mai-Dung biết ý, gượng cười :

— Thế nào, anh?

— Tôi đang đi quanh nương sét mấy cái dẫu nai, định chọn chỗ đào cái phòng bẫy lấy thịt ăn và cho nó khỏi phá hại lúa, thì bất thành-linh thấy tên bay vút qua tai tôi. Tôi giật nảy mình vội ngồi thụp xuống, mũi tên suốt qua trán cắm vào cây bừa cạnh đấy. Tôi biết có đứa định bắn ngầm vội rút lấy mũi tên, rồi cứ chiếu theo hướng tên lại, xông vào rừng tìm. Tôi xông sáo các bụi rậm nhưng tuyệt nhiên không thấy bóng người vào, đất rắn, cúi tìm không có dấu chân. Tôi vừa sợ vừa mừng. Nhưng lạ nhất là không rõ đứa nào bắn, bèn chạy về tìm ông nhà ta để nói cho ông rõ, giọc đường vừa đi vừa nghĩ đoán mãi không ra. Ở đây ngoài Vát ra, tôi chẳng có thù gì với ai đến nỗi người ta phải mưu hại

Mà cái thù của tôi với Vát chắc chẳng là một cái tử-thù. Tôi nghĩ mãi, sau đoán chỉ có « nó ». « Nó » biết tôi ở đây nên định giết tôi để khỏi lo về sau. Nếu vậy thực là một điều mừng cho tôi vì sẽ khỏi phải đi đâu xa nữa. Nhưng cũng lại là một sự đáng lo. La - văn-Đầu chắc là có ở vùng này, nhưng không biết đích nó ở chỗ nào, hiện giờ nó thay hình đổi dạng ra làm sao. Tôi còn chưa biết điều ấy thì mỗi bước ra khỏi nhà còn là một bước nguy-hiểm lắm.

Anh nói rút lời bỗng hỏi Mai - Dung :

— Kìa! cô Mai cô làm sao thế?

Mai-Dung mặt tái nhợt, mồ hôi trán ướt đầm. Cô nghe Bạch-Hùng hỏi, phải cố hết sức bình tĩnh mới đáp được một câu :

— Không, có làm sao đâu! Trong mình em nhọc lắm, anh ạ.

(Còn nữa)

Kỳ này vì thừa bài nên có nhiều mục phải gác lại mong các độc giả lượng thứ

tin tức
◦ TRONG LÀNG VĂN ◦

MỘT BÀI DIỄN - THUYẾT BẰNG VĂN VĂN

Ngày hôm nay, ở bữa tiệc do các nhà thi-sĩ Pháp tổ chức có ông De Monzie, thượng-thư bộ quốc-gia giáo dục chủ tọa, một ông thay mặt Hội-Đồng thành phố là ông Sionel Naslorg đã đọc một bài «dit-cua» bằng văn văn là lần thứ nhất.

Paris ngày 15 - 6 - 1933

* * *

TẠI VIỆN HÀN-LÂM LUÂN-LÝ VÀ CHÍNH-TRỊ

PARIS. — Viện Hàn lâm luân lý, chính-trị đồng thanh tuyên cử nhà văn báo nước Anh tên là Rudyard Kipling, vào chân hội-viên ngoại-quốc thế chân cho Nam-tước Deschamps, sứ-thần nước Bỉ, tạ thế.

* * *

ĐẶT GIẢI THƯỞNG ALBERT LONDRES ĐỂ
KỶ NIỆM MỘT TAY PHÓNG SỰ CÓ TÀI

Nhà phóng-sự đại tài Albert Londres sau khi từ giả Hap-bắc, một nơi mà trong hồi Nhật Hoa xung-đột, Nhật đã tiến binh tàn phá định bước vào Thượng-Hải, đáp tàu Georges Philippar về nước.

Ở chốn muôn tên nghìn đạn mà tấm thân nhỏ nhất của nhà báo lại được vô sự, vậy mà tới lúc ung-dung ngồi trên « ca-bin » một chiếc tàu thượng hạng mới đóng về nước, thì lại là lúc đưa mình vào đất chết.

Tàu G. Philippar cháy ở Hồng-hải, Albert Londres bị chôn vào bụng cá.

Cái chết của Albert Londres đã làm cho cả thế-giới phải thương phải tiếc, nhất là các bạn trong làng văn làng báo. Bởi vậy ngày nay, muốn kỷ-niệm bạn đồng-nghiep xuất chúng, các bạn Albert Londres như Roland Dorgelès. Edouard Helsey. Louis Roubaud, Jean Vigaud. Albin Michel v, v. . . định mỗi năm đặt một giải thưởng

đáng giá 5000 quan, lấy tên giải « Albert Londres » để thưởng cho một bài tường thuật rất hay về cuộc điều tra của một tay phóng-sự bất cứ ở pháp, ở phía bắc Phi-châu hay ở các thuộc địa Pháp. Mà bài tường thuật kia đã đăng trên báo ở các nơi ấy:

Điều lệ về giải thưởng này và hội - đồng chấm bài sẽ định sau.

MẤY GIẢI THƯỞNG VỀ VĂN - HỌC

Mới có tin rằng : Nhà viết tiểu thuyết Chamson (ảnh trên) vừa được giải thưởng Northcliffe về cuốn tiểu thuyết « Héritage ». Giải - thưởng này là một giải văn-chương rất có giá-trị. Ông Canu (ảnh dưới) được giải thưởng Strassburger, 1000 dollars giải này đề hàng năm thưởng cho người viết được bài báo hay nhất có mục đích nổi tình thân ái Pháp Mỹ

Ngày 29 Juin, tin Arip lại cho hay rằng : Viện Hàn-Lâm nước Pháp đã phát giải thưởng văn - chương 10.000 quan cho ông Henri Duvernois và giải thưởng Broquette Gonin cũng một vạn quan cho ông Edmon

Pilon về tất cả các tác-phẩm của hai ông ấy. Viện ấy lại phát giải thưởng tiểu thuyết 5 nghìn quan cho ông Roger Chanvir về quyển tiểu thuyết nhân lá Made-moiselle de Bois Dauphin ».



Cliché Trung Bắc tân văn

ÔNG ANDRÉ MARIE TẠO-KIM-HAI MỘT NHÀ VIẾT TIỂU-THUYẾT VIỆT - NAM TA Ở PHÁP

Độc-giả ai có thường được tờ tạp chí « La vie » bên Pháp gởi qua thì tất thường thấy tên « André Marie Tạo-kim Hai » ký dưới một cái đoản - thiên tiểu thuyết

Cái tiểu thuyết « *Le coq de mon fiancé* » là cái tiểu thuyết đầu tiên của ông Tạo-kim-Hai để tả một cái ái tình rất lý thú thanh tao ở chỗ thôn quê, tác-giả viết bằng lối văn giản dị mà khắt khe.

Ông Tạo-kim-Hai còn viết nhiều cái đoản thiên tiểu thuyết khác như chuyện « Ma-Lai » chuyện « Le merle Safran » v. v.

Trong chuyện Ma-Lai tác-giả đem cái tình thần mầu nhiệm cũ kỹ của nước nhà ở chốn thôn quê chất phác biểu lộ trong câu văn dòng mực thật là một cái tiểu thuyết có ý vị sâu xa thanh thú.

Nghen bút của Tạo-kim-Hai chẳng những để nuôi sống cho ông ở một châu-thành lớn bên kia Địa-trung-Hải, mà còn để cổ động cho cái tình thần quốc-gia của dân tộc Việt-Nam ta đương bị bao nhiêu sự vật nguy nga đồ sộ của nền văn-minh và chất kia che khuất lấp. tưởng ai có chút tâm-tư với quốc gia phải tưởng đến ông Tạo-kim-Hai ở Pháp.

(Theo Đ. N. N.)



HỌP THƯ

Ông Đỗ đình Khương Vientiane — Văn - Học số 1 chúng tôi đã gửi cho ông ngay khi nhận được bức thư thứ 2 của ông không hiểu sao nay ông cũng chưa nhận được vậy hôm nay (30 (6) 1933) tôi lại cho gửi so khác ông xem, lần nữa.

Ông La thành Sự Hà Tiên — Văn - Học số 2-3 đã gửi cho ông ngay khi mới in lại xong thế mà tôi nay ông cũng chưa nhận được vậy hôm nay (30-6-1933) tôi lại cho gửi lần nữa số 3 và số 12 để ông xem:

Những việc nên biết

Từ nay thi Sơ học Pháp-Việt thêm bài luận quốc-văn.

Trong đạo nghị định quan Toàn-Quyền ký ngày 17 Juin tại Dalat và đăng vào Quan-báo Đông-Dương số 51 ra ngày 28 Juin vừa rồi sửa đổi ít điều về bậc Sơ-học Pháp-Việt có một điều ta đáng chú ý là từ sang năm 1934, kỳ thi viết lấy bằng Sơ-học Pháp-việt sẽ thêm một bài luận Quốc - văn (bài này hạn trong một giờ và sẽ nhân với hai như bài luận Pháp văn). Ta nên mừng cho cái tiến-độ quốc-văn của ta, vì có thể thì các trường học, về khoa học quốc-văn, thấy mới chịu khó dạy, học trò mới chịu khó học, mà quốc-văn ta mới mong mỗi ngày một tiến lên vậy.

Một kỳ thi vào ban mỹ thuật

Hến 3 Juillet này sẽ mở kỳ thi tuyển học sinh vào hai ban trường Mỹ-Thuật Đông-Dương. Kỳ-thi này mở tại Hanoi, Saigon, Hué, Pnom Penh và ở Vientiane.

Một cuộc du lịch khắp Nam-kỳ

Ông Trinh-hưng-Ngẫu ở 26 phố Lacotte Saigon sẽ tổ chức vào ngày 15 Juillet này một cuộc du lịch khắp Nam-kỳ bằng tàu, mỗi người dự chỉ phải trả 15\$ (vừa tiền tàu, tiền xe, tiền ăn, tiền mướn phòng) cho các anh em học sinh. Thực là một ý hay. Ước gì ở ngoài Bắc ta cũng có người tổ chức những

cuộc du-lịch như thế trong dịp nghỉ hè này để các anh em được rộng thêm kiến văn cho đúng câu « *Voyager c'est s'instruire* » (du-lịch là học).

Cách tuyển bổ các ông Kiểm học sẽ sửa đổi lại

Từ nay, các giáo sư thượng hạng ngoại hạng ít ra 33 tuổi và làm việc được 15 năm, những giáo sư ngạch Cao đẳng tiểu học Pháp Việt ít ra 30 tuổi và làm việc được 8 năm, có thể bổ kiểm học hạng nhì.

Tiền trình mới ở Bắc Kỳ

Hiện nay hãng Poincard et Verryet thầu được việc này và độ chừng đến cuối tháng Juillet thì làm xong được 5 triệu đồng rồi cứ hàng tháng có thể đúc được từ 8 đến 10 triệu đồng tùy theo số tiêu thụ của dân chúng. Như thế phải mất 15 tháng mới đúc xong một số tiền trình định phát hành là 100 triệu đồng.

Quan Thống sứ định rằng số tiền tiêu thụ sẽ theo số dân định trong các tỉnh Bắc Kỳ mà phát hành.

Các viên chức Tây Nam các công sở lĩnh lương cũng phải lấy tiền trình, người Tây thì một đồng bạc phải lấy 0.006 tiền trình và người Nam thì lấy 0.01 tiền trình, như vậy một người Tây nguyệt bổng là 600 đồng thì phải lấy 3 đồng 6 hào tiền trình và một người Nam nguyệt bổng là 60 đồng thì phải nhận 3 hào 6 xu tiền trình.

Xin chú ý : - Từ ngày V. H. xuất-bản đến giờ, các đọc-giả có thể đóng được hai bộ ; bộ thứ nhất thì xin lấy 4 trang mục-lục đã in ở trong kỳ số 12 mà đóng từ số 1 đến số 9. Còn bộ thứ nhì thì xin lấy 4 trang in ở kỳ số này mà đóng từ số 10 đến số 19.

VĂN - HỌC TẠP - CHÍ



TOME II

MUC LUC

(Các bài đã đăng trong Văn-Học từ số 10 đến số 19)
(Sáu tháng đầu năm 1933)

Số 10 -- 1^{er} JANVIER 1933

Làm thế nào cho quốc-văn ta chóng tiến lên được ?	1
Ca dao	5
Một ý kiến nữa về vấn - đề sửa đổi chữ quốc ngữ	8
Thi thoại	15
Chinh phụ ngâm dịch ra pháp văn VI	22
Dịch Hán văn : Bài ký chú Cầm Đường của Âu Dương Tu	26
Vui cười : Đề bia — Ai bảo tán nhảm	28
Bản nữ thân dân giải II	29
Bản nữ thân thi	33
Văn thơ : Thảo trang thi tập III	35
Những truyện lý thú trên đàn văn Dật sự Nguyễn-c-Trừ	39
Tin tức trong làng văn	42
Mũi tên độc V	45
Hoa lục kết nghĩa IX	49
Việt Hán pháp từ điển VIII	53
Tự học tiếng Ảng lê X	57

Số 11 — 15 JANVIER 1933

Vấn đề viết quốc ngữ cho trúng	61
Ta nên làm văn lối nào ?	68
Thi thoại	71
Lược khảo về văn học sử nước ta VI	77
Một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	82
Văn thơ : Thảo trang thi tập IV	84
Bản nữ thân dân giải III	91
Mũi tên độc VI	95
Hoa lục kết nghĩa X	99
Tự học tiếng Ảng lê XI	105
Dịch pháp văn : Lược dịch văn Fénelon ra thơ ta	109
Những truyện lý thú trên đàn văn	112
Tự học tiếng Tàu IX	113
Việt Hán Pháp từ điển IX	117

Số 12 — 15 FÉVRIER 1933

Năm mới nước cũ	121
Phong dao có liên lạc gì với quốc-sử ?	125
Bản nữ thần dân giải IV	134
Văn thơ : <i>Thảo trang thi tập V</i>	137
Cũng một ý kiến về sự sửa đổi chữ quốc ngữ	140
Những truyện lý thú trên đàn văn	165
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn VII	170
Mũi tên độc VII	174
Việt Hán Pháp từ điển X	177
Hoa lục kết nghĩa XI	181

Số 13 — 1^{er} MARS 1933

Bàn về vấn đề viết quốc ngữ cho trổng	185
Văn thơ với khoa học	189
Thi thoại	191
Văn tuyển chú giải : <i>Người Việt Nam không ai là không có cái tư tưởng « ông quan » ở trong bụng</i>	195
Một cơ sai lầm trong các bản văn nôm cũ của ta	202
Văn thơ : <i>Thảo trang thi tập VI</i>	205
Những truyện lý thú trên đàn văn :	
<i>Dật sử ông Nghè Tân</i>	214
Dư luận : chữ quốc ngữ ta cần phải sửa lại cho thành một thứ chữ hoàn toàn tiện dụng	218
Dịch Hán văn : <i>Bài ký nhà mới quan thứ sử Vĩnh-Châu của ông Liêm tử Hậu</i>	220
Bản nữ thần dân giải V	222
Hoa lục kết nghĩa XII	225
Mũi tên độc VIII	231
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn VIII	236
Tin tức trong làng văn	240

Số 14 — 15 MARS 1933

Hoàn cảnh và văn chương : <i>Giả trị cuốn Lục-vân-Tiên và cuốn Kim Vân Kiều hơn kém nhau thế nào ?</i>	241
Thi thoại	252
Bản nữ thần dân giải VI	256
Sự tưởng tượng trong văn chương có lúc nhằm	260
Văn thơ : <i>Thảo trang thi tập VII</i>	265
Dịch Hán văn : <i>Bài ký gết đèn bà Phiếu-mẫu của ông Hoàng Tĩnh Tăng</i>	271
Mũi tên độc IX	273
Hoa lục kết nghĩa XIII	277
Vui cười : <i>Cái khổ lấy vợ hay chữ</i>	281

III

Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn IX	284
Tập trở: <i>Một cái đồ thư quan lớn nhất thế giới</i>	288
Tự học tiếng Ảng lê XI	289
Việt Hán Pháp từ điển XI	293

Số 15 – 1er AVRIL 1933

Cải thiện chức của nhà thi sĩ	297
Cái kỳ tài của hai ông vua tiểu thuyết Walter Scott và Edgar Wallace	301
Thi văn ái quốc đời Trần	304
Bản nữ thần dẫn giải VII	308
Đọc văn tiền bối	312
Văn tuyển chú giải: <i>Truyện ông Lý Chấm</i>	316
Những truyện lý thú trên đàn văn:	
<i>Thuyền ai đậu bến Cô-tô ? ?</i>	328
Vui cười	332
Mũi tên độc X	333
Hoa lục kết nghĩa XIV	337
Tự học tiếng Quan Thoại I	341
Tự học tiếng Ảng lê XII	347
Việt Hán Pháp từ điển XII	349

Số 16 – 15 AVRIL 1933

Học giới nước ta sau này có nên ôm mối bi quan không ?	333
Hiệu lực của thơ	357
Chinh phụ ngâm dịch ra Pháp văn X	360
Một cái tỉ hiệu luận giữa Phan-Khôi và Khắc-Hiếu I	364
Thi thoại	369
Dịch Hán văn: <i>Bài tự đưa ông Lâu-đồ-Nam đi chơi</i>	
<i>Hoài-nam định tu liên của ông Liễu-tử-Hậu</i>	373
Bản nữ thần dẫn giải VIII	378
Ván thơ: <i>Thảo trang thi tập VII</i>	383
Dư luận: <i>Bàn về vấn đề sửa đổi chữ quốc ngữ</i>	390
Vui cười	392
Mũi tên độc XI	393
Hoa lục kết nghĩa XV	397
Tự học tiếng Ảng-lê XIII	404
Tự học tiếng Quan Thoại II	405

Số 17 – 1er MAI 1933

Thơ văn với thời đại	409
Văn chương	412
Một cái tỉ hiệu luận giữa Phan-Khôi và Khắc-Hiếu II	419

I V

Quốc văn bình giảng : Anh nói khoẻ	425
Văn thơ : Thảo trang thi tập VIII	429
Dịch Hán văn : Tiền Xích Bích của ông Tô-dông-Pha	434
Mũi tên độc XII	437
Hoa lư kết nghĩa XVI	443
Những truyện lý thú trên đàn văn : bia ông Trọng	449
Ông Phan văn Trường tạ thế	450
Tự học tiếng Ăng-lê XIV	453
Tự học tiếng Quan Thoại II	457
Việt Hán Pháp từ điển XIII	461
Số 18 (kỷ niệm) — 1 ^{er} JUIN 1933	
Ngày đệ nhất châu niên của Văn-Học Tạp-Chí	465
Một áng văn tuyệt tác ở nước ta : Chinh phụ ngâm	467
Tây học đã ảnh hưởng quốc văn tới bậc nào ?	473
Một nhà văn sở trường nhất về lối cảnh thế tiêu-thuyết : Cụ Nguyễn-bá-Học	480
Thi thoại : Thơ văn ngài Tùng ngài Tuy	487
Nét mực xưa : Tư Dung Văn của cụ Đào-duy-Từ	492
Dịch bài Pháp văn của vua Duy Tân	506
Văn thơ (cổ và kim)	511
Xét các phương pháp sửa đổi chữ quốc ngữ	515
Một cái tỉ hiệu luận giữa Phan-Khôi và khải-Hiến III	525
Tạp trở : Giải Nobel và bài diễn văn thật giải	535
Cuộc thi đặc biệt về vấn đề sửa đổi chữ quốc ngữ...	537
Vui cười : Câu hát câu đố — Mặt cửa mướp đắng	542
Vườn văn : Hồn thơ Nam Việt	543
Hoa lư kết nghĩa XVII	549
Mũi tên độc XIII	553
Thơ ta dịch ra pháp văn : Thơ Yên-Đỗ	557
Câu đố giải trí	560
Việt Hán Pháp từ điển XIV	561
Số 19 — 15 JUIN 1933	
Một ý kiến khuyến khích nhà văn	565
Thi đàn giảng luận	571
Văn thơ (cổ và kim)	573
Trương vĩnh - Ký	579
Bàn rộng : Ngày hội kỷ-niệm bà Jeanne d'Arc,	586
Hoa lư kết nghĩa XVIII	589
Mũi tên độc XIV	593
Những truyện lý thú trên đàn văn.	596
Thơ ta dịch ra Pháp văn Thơ Nguyễn-công-Trứ	598
Thử bình phàm một bài thơ	599
Tin tức trong làng văn	602
Những việc cần biết	604
Tự học tiếng Quan - Thoại III	605
» » » Ăng - lê XV	609

Kính thuốc



Nhà **TINH - KY,**

84 - 86, Phố Đầu-Cầu
(Avenue Paul Doumer)

HAIPHONG.

Chuyên buôn các thứ
kính thuốc - cận thị,
viễn - thị và dưỡng
mục. Nhiều kiểu gọng
rất đẹp. Có thợ khoan
và mài mắt kính.

Bán buôn và bán lẻ,
giá rất hạ

Văn Tây của Hường rất hay,
Một mình học lấy, mười ngày đọc thông;
Giá hào hai chẳng mấy đồng,
Mua ngay sách ấy mà đừng thử coi.
Bán tại các hàng sách và ở Đông-Tây ấn-quán,
193, phố hàng Bông Hanoi

Sách bán rất rẻ !!!

1. — Câu chuyện làm quà của giáo học Vũ Túc
trường Haiphong soạn (tức là những câu chuyện
hay, có ý vị, để trẻ em đọc làm chuyện giải trí và
liều khiển). Sách này đã được nhà nước công nhận
dùng trong các trường, mới in lại lần thứ hai
trước bán 0\$25 nay bán 0\$10. Cước thường 0\$06.

2. — Người quay tơ của NGUYỄN TƯỜNG-TAM
soạn, sách in vào giấy ta, đóng lối lều, trông rất
nhã, rất đẹp, dày 100 trang. Giá trước định là
0\$35, nay bán 0\$10. Cước 0\$06.

3. — Quốc sử huấn mông (sử nước Nam, có cương,
có mục, có phụ lục, có phụ khảo, có ký, án, có
biện-luận, của Tân-Đà NGUYỄN-KHẮC-HIỆU soạn. Dày
170 trang rộng. Giá định trước 0\$60, nay bán
0\$15. Cước thường 0\$09.

Gửi bằng timbres postes cũng được (nhớ thêm
tiền cước) cho Đông-Tây ấn-quán, 193, phố hàng
Bông - Hanoi. Mua cả 3 quyển cước chung là 0\$18

Mới xuất bản SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ của ĐỖ-TRANG-SÂN

Ai chưa biết Cờ ? — Muốn học.

Ai đã biết Cờ ? — Muốn cao

— xin coi

SÁCH DẠY ĐÁNH CỜ

Dạy đủ cách

Ra quân cho được thoả, dàn quân cho khỏi bí,
Đi lăm nước rất bí hiểm, khớp vào nhiều trận hay vô cùng.

Muốn cao, các bạn chơi cờ nên xem

Sách DẠY ĐÁNH CỜ — Giá 0\$20 — Cước thường 0\$06

bán tại: ĐÔNG-TÂY ẤN QUÁN, 193, phố hàng Bông,

Hanoi, và các hàng sách các tỉnh.

Mua một quyển gửi bằng timbres-postes cũng được
(nhớ thêm tiền cước)

SÁCH MỚI XUẤT BẢN

KIỀU - VẬN TẬP - THÀNH

成集韻翹

SÁCH DẠY TẬP KIỀU

Của

BÌNH - NAM NGUYỄN-ĐĂNG-CU

Tiến - Sĩ

Cổ - học viện ở Huế

Sách này dày 130 trang rộng. Có hai phần :

Trên là bản Kiều - vận tập - thành,

dưới là bản Kim-Vân-Kiều truyện



Trước định giá 0\$60 nay vì muốn cho phổ
thông nên chỉ bán một nửa tiền là :

0p30

Cước thường 0\$06 — Cước recommandé 0\$16



Gửi bằng timbres postes cũng được cho :
Đông-Tây ấn-quán, 193 phố hàng Bông — Hanoi